 của số 203 (1-9-1934)
23

TRÔNG GƯƠNG THANH-NIÊN NƯỚC NGOÀI

■

I

Nước Nhật ra công đào-tạo thanh-niên

Nước Nhật là một thổ-ngơi sản-xuất và đào-luyện ra những võ sĩ và học-sinh. Võ-sĩ thì trông như các cậu học-sinh lớn, mà những học-sinh thì dáng-điệu lại như kẻ tập làm binh-lính. Nhưng ngoài đường người ta thường gặp học-sinh lại còn nhiều hơn binh-lính. Dù đi lẻ-tẻ hay đi từng toán, các cậu học-trò nước Nhật, lúc nào cũng có vẻ ung-dung lễ-độ, nghiêm trang, mà nghiêm-trang có phần thái-quá. Lúc nào họ cũng chỉ mặc đều một thứ y-phục, con trai thì mặc áo chẽn mầu thâm, khuy đồng, đội mũ « cát-két », kiểu mũ và dấu hiệu cái ở mũ thay đổi khác nhau; đến khi tòng học ở các trường Đại-học cũng còn đội kiểu mũ như thế; con gái thì mặc theo lối y-phục của lính thủy, lối y-phục mà bên Âu-châu những nhi-nữ thủa xưa đã từng mặc: váy ngắn có gấp nếp, về mùa đông áo phủ ngoài mầu xanh nước biển, về mùa hạ mầu trắng, áo có cổ to mầu xanh nhạt, trông rất vui mắt; tóc cắt ngắn hay chia làm hai mái đen mượt, hơi cứng, dễ sõa xuống vai như lối người Đức. Bộ quần áo đó trông rất xinh-xắn, hợp với cái khuôn mặt, thường thường không được đều-đặn, nhưng thùy-mị và ngây thơ của những cô gái nhỏ Phù-tang.

Này đây những con trai, con gái nhanh-nhẹn đi học, sách-vở và đồ-ăn (cơm, cá muối, với cái món ăn daikon, là một thứ gia vị Nhật) bọc trong một cái khăn tay to sặc-sỡ họ gọi là furoshki, — lại có khi những cậu con trai — mặc áo lính, súng vác vai, chân bé tí ngắn-ngủi, đi lẹt đẹt theo điệu « bước ngỗng », (*pas de l'oie*) (1), dáng-dấp rất buồn cười; họ ra bãi tập do một vị sĩ-quan giám-suất rất nghiêm. Lại có khi đi theo các giáo-viên đến thăm những viện bảo-tàng, những công-viên, công-thự, những xưởng máy hay qua những lối đi có hoa anh-đào đua nở. Có khi ở trong những sân nhà trường, — xung quanh có tường xây thấp đứng ngoài phố cũng trông vào được, — ta thấy những học-sinh đương luyện-tập, đứng đều tăm-tắp như máy, có lúc theo lối toàn vận-động, có lúc theo cách thao-diễn dịu-dàng.

■

Còn những học-đường thì sao? Từ năm 1890 là năm Minh-Trị Hoàng-đế (Empereur Meiji), — nhà vua này, nói đến việc gì cũng thấy dấu tích của ngài cả, — đã ra đạo chỉ-dụ nói rõ về sự cần-thiết của bình-dân giáo-dục, thì vấn-đề lập trường thành một vấn-đề rất quan trọng ở trong nước. Nhà triết-học Okura cũng trịnh-trọng viết rằng: « Cái tinh-thần nó sui ta chọn Phật-Tổ làm người tiếp-dẫn cho linh-hồn, Khổng-tử làm người đưa đường cho cách xử-thế, chính cái tinh-thần đó đã làm cho ta kính-cẩn coi sự giáo-dục như ngọn đèn sáng soi cho ta biết khoa-học và sự tiến-bộ hiện-thời. »

(1) Một lối đi của võ-sĩ Đức.

Mới hơn bốn mươi năm nay, người Nhật cố đem hết nghị-lực ra mà giải quyết cái vấn-đề to-tát ấy : tăng số nhà trường lên và theo một qui-củ mới. Sự kết-quả đã quá lòng sở-nguyện và cũng vì thế nước Nhật ngày nay đứng vào hàng nhất trong các nước văn-minh.

Hiện giờ theo lời họ, trong nước chỉ có hai phần trăm (2/100) là người vô-học, cái số đó lẽ tự-nhiên ta khó lòng kiểm-soát lại được, nhưng ta biết chắc-chắn họ có vào độ 45.000 nhà trường, cả thảy 12.000.000 học-trò.

Riêng số trường sơ-học (shogakko) được 25.622 chiếc, mà 24.524 trường thuộc về Chính-phủ và số học-trò được 9.925.877 với 234.000 nam nữ giáo-viên. Trong những nhà trường đó sự giáo-dục cưỡng-bách, học-phí được miễn hay cũng gần như vậy — những con nhà khá-giả, học-phí mỗi tháng phải giả độ 2 quan thôi — và tất cả những giai-cấp trong xã-hội cùng đến học lẫn-lộn cả. Cũng có một hai nhà trường để dành riêng cho con nhà quí-phái như : « Đại-thần học-đường » (Ecole des Pairs) cho con giai và « Mệnh-phụ học-đường » (Ecole des Pairesses) cho con gái. Trong khi tôi còn ở Đông-kinh, con gái lớn Nhật-Hoàng mới sáu tuổi có đến học ở trường này. Về dịp ấy, những nhà báo có đăng ảnh cô học-trò mới, ăn mặc theo luật-lệ nhà trường, đội mũ cũng như các bạn, tóc cắt ngắn cum-cúm như kiểu Jeanne d'Arc, tay mang cái khăn tay lụa bọc sách vở. Song những trường riêng ấy chỉ nhận một số ít học trò thôi. Thường thường con cháu các nhà thế-tộc cùng các nhà phú-thương ngồi chung ghế với con nhà thợ thuyền cả. Xem thế đủ biết nước Nhật, bao nhiêu phương-diện còn theo chế-độ phong-kiến, mà đã có tính-cách bình-dân hơn nhiều nước Cộng-hòa dân-chủ.

Nhiều nhà trường ấy xây toàn theo kiểu mới, nhất là từ khi có động đất phá hoại gần hết những nhà cổ. Nhà làm toàn bằng si-măng cốt sắt, kính, kim-khí, lại có đủ những sự tiện-lợi tối-tân như cửa kính, cửa chớp to trông ra những bãi tập hay những sân chơi rộng-rãi. Tôi có đi thăm một vài nơi, và còn nhớ hình-ảnh một cái trường con, phụ-thuộc vào một nhà máy lớn chế những thứ cần-dùng về bàn giấy, ở miền lân-cận Đông-kinh, mà chỉ có những con nhà làm công hay con nhà thợ-thuyền đến học-tập mà thôi. Cái trường đó thật xinh, những lớp rộng rãi sáng-sủa và mát-mẻ trông ra một cái vườn đẹp lộng-lẫy. Ở trên tường có treo chân-dung Hoàng-đế và Hoàng-hậu, Hoàng-đế mặc binh-phục đại-trào, Hoàng-hậu vận Âu-trang kiểu đã cổ, lại có những tranh in mùi đậm, in ra những phong-cảnh đẹp, những hoa cỏ, những giống-vật và một vài câu cách-ngôn viết bằng chữ đại-tự đẹp, đáng giá một bức họa-đồ. Một câu : « Ngươi nên kính-trọng cha ngươi như kính trời, kính-trọng mẹ ngươi như kính đất, rồi những con ngươi sẽ kính ngươi như thế ». Câu khác : « Ngươi phải trung-thành với Hoàng-đế và chúc cho Ngài được thiên-niên trường-thọ ».

Những trẻ con, cả con giai con gái, từ tám tuổi đến mười tuổi, đang ngồi học ở những cái bàn kê theo hình chữ điền, không có một người nào quay đầu lại hay ngửng mặt lên nhìn chúng tôi vào cả. Các cô, các cậu đương cúi xuống bàn đọc một bài tập đọc, mà một người bạn đang cao giọng đọc : Cậu này đứng thẳng hai tay giơ cầm sách ở trước mặt. Các trò nhỏ má đều đỏ như

đa quả đào, mắt bé và sáng, có vẻ tinh-nhanh, mà hiền-lành và hình như tỉnh-táo lắm. Khi thầy giáo hỏi câu gì, học-trò đều giơ tay xin phép trả lời rồi ai đứng lên nói các bạn đều chú-ý nghe.

Ở lớp bên cạnh thì đang dạy tập vẽ, khoa đó trong sự giáo-dục, người Phù-tang coi thiết-yếu hơn là ở Pháp nhiều. Trên tường có treo những bức thủy-mặc chấm những cây anh-đào đang mùa hoa nở, tức là cái đầu-đề của một bài thi mới rồi. Cái bộ mặt tươi-tỉnh, cái vẻ tự-do sinh-hoạt của học-trò cùng những cái hình nặn giống vật bằng đất sét có đóng khung, công-trình tỉ-mỉ và cố cho đúng như in sự thực, làm cho tôi phải chú-ý đến luôn.

Sáng hôm đó người ta cho chúng vẽ một chậu cẩm-chướng ; trông dáng điệu các trò em chăm-chỉ, khi nhăn mặt, khi nhíu nhỏ mắt lại để nhìn mẫu, tôi không thể nín cười được. Song thấy nét bút vừa khéo vừa xinh thì tôi phải lấy làm lạ.

Tôi có tỏ sự ngạc-nhiên với ông Đốc thì ông trả lời : — « Bà sẽ hiểu ».

Ông đưa tôi sang một lớp khác có những trẻ lớn hơn đang ra công tập viết một chữ đại-tự nhiều nét, treo trên bàn thầy giáo ; những nét dọc ngang, chấm phẩy có đủ cả.

Những trẻ nhỏ cầm bút đó, nét viết đã hoạt và mạnh mẽ, chỉ có từng ấy nét vừa thẳng vừa cong, mà chúng viết đi viết lại mười, hai mươi lần vẫn không chán.

Tôi nói :

— Phải chăng chúng tập viết như những trẻ bên nước chúng tôi.

Ông Đốc nói tiếng Anh rất thạo, liền đáp rằng :

— Thưa vâng, nhưng nếu tôi không nhầm thì Pháp-tự chỉ có 25 chữ cái, mà Nhật-ngữ chúng tôi có chừng bốn mươi nghìn tiếng mà có phần hơn nữa, nếu theo lời của một vài nhà thông-thái. Mỗi tiếng đó có một hình-tượng một ý-tưởng khác nhau mà thay đổi vô-cùng.

Tôi lấy làm lạ cất tiếng hỏi rằng :

— Nhiều đến thế, thưa ông ?

Ông đốc mỉm cười nói :

— Bà đừng lấy làm lạ, chỉ có một số ít những bậc cao-sĩ mới nhớ hết và hiểu được những cách dùng chữ đó. Những học-sinh vẫn theo học và ra ứng-thí lấy bằng tương-đương với bằng Tú-tài bên qui-quốc, chỉ cần biết độ năm nghìn hay sáu nghìn chữ thôi. Nhưng chỉ cần độ 1.500 hay 2.000 chữ là đủ đọc được một tờ nhật-trình — và chúng tôi cũng chỉ cần bằng ấy chữ để dạy những trẻ con trong trường Sơ-học, thế mà phần nhiều chúng cũng không thuộc được hết.

■

Học như thế kể cũng đã tốn công. Trong sáu năm phải bắt buộc ở nhà trường, một đứa trẻ sáng dạ cũng phải cố sức trong ngót bốn năm mới gọi là biết đọc và biết viết. Học chữ đã khó-khăn như vậy, nên chỉ học thêm sơ-lược được mấy khoa như toán-pháp cách-trí, sử-ký và nhất là xã-giáo luân-lý nữa mà thôi. Mục-đích sự học chỉ cốt sao luyện cho trẻ con thành một người dân tốt và bồi-bổ cho trẻ có đủ những quốc-gia đức-tính như : phụng-sự đức Hoàng-đế, tận-tâm với ngài, đốc một lòng yêu nước, tôn-kính cha mẹ, thờ phụng gia-đình, tổ-tiên và hiểu thấu cái luật thờ danh-dự tức là võ-sĩ-đạo (*bushido*), cái đạo buộc phải có cái lòng can-đảm, biết hi-sinh và có chí nhẫn-nại. Chúng phải học thuộc lòng những câu cách-ngôn mà những Hoàng-đế đời trước và nhất là vua Minh-trị, chúa thánh-minh đã đặt ra

Trong thời-kỳ ấy, người ta đã bắt đầu dạy trẻ những khoa binh-bị ; người ta lại khéo dùng những cách thao-diễn dịu-dàng, những môn thể-dục, những món chơi phải cần có sức khỏe và tài nhanh-nhẹn để luyện-tập cho thân-thể chúng được cường-tráng và tránh những tật xấu.

Người Nhật họ hiểu sự cần-thiết của thể-dục hơn ta nhiều lắm ; chính ta về phương-diện đó đã chậm hơn các nước khác đến nửa thế-kỷ. Vì thế cái thân-thể trung bình của dân họ, họ đã làm cao lên được mấy phân. Về phái trưởng-giả, hiện giờ thì cha con đã có phần khác nhau lắm, mà người con chiếm phần hơn. Vì hình dáng không những đã cao lại còn mềm mại hơn, thanh-nhã hơn, chân cũng dài hơn nữa. Cái hình-dáng của những vị văn-thân cổ, chân ngắn mà khẳng-khiu, mình béo, cổ dụt, mặt to lớn, cằm dô ra như cằm giống thú ăn thịt, các hạng ấy trước kia nhiều nhưng rồi sẽ biến theo những chuyện huyền hoặc cổ của nước Phù-Tang.

Sau nữa, cũng như người Mĩ và người Nga, họ theo phương-pháp của DALTON, học-đường cho trực-tiếp ngay cái cảnh-vật. Vì thế mới có những cuộc đi thăm các viện bảo-tàng, các nhà máy, mà tôi đã nói ở trên.

Nhất là vì thế nên về cuối những niên-học trong bực Sơ-đẳng và Cao-đẳng tiểu-học đều có những cuộc đi chiêm-bái các nơi đô-hội hay các danh-lam thắng-cảnh trong nước.

Có khi những cuộc đi chơi đó mất tới mười lăm ngày, ba tuần-lễ. Ở Kyoto, tôi đã từng gặp những trẻ con ở *Nagasaki* lên, tức là ở một tỉnh cách xa hàng mấy trăm cây số về phía nam nước Nhật.

Về mùa xuân, chỗ nào cũng thấy ngổn-ngang nam-nữ học-sinh trên toa tầu hỏa, trên ô-tô hàng hay ở ngoài đường, đâu đâu cũng vậy. Họ ngủ ở trong các nhà trường hay ở những buồng ăn buồng ngủ tại công-thự mà người ta đã để riêng cho họ. Vả lại họ cũng không khó tính gì ; — họ thường ngủ ngay ở trên mặt đất, theo như lối Phù-tang ; theo cách ăn chơi cổ-truyền của người Nhật, họ lại thích tụ-họp nhau cùng ăn.

Ở *Nikko* cũng như ở *Kyoto*, hai nơi đô-hội có tiếng trong lịch-sử, tôi thường trông thấy họ luôn ; họ đi từng toán một cùng nhau đến thăm những dinh-thự, đền-đài có tiếng. — Lưng đeo cái túi theo kiểu túi của người *Tyrol* làm bằng vải xanh, có cả những bát đĩa chén tách. Họ cùng nhau đi đứng rất có thứ-tự, khi đi, khi quay lại, khi nghe ngóng, khi xem ngắm, khi cúi, khi nghiêng mình, lại có khi cùng nhấc mũ lên một lúc để chụp ảnh.

Một vài cái khuôn mặt trẻ măng đó còn giữ được vẻ tươi-tắn, vô tư-lự, với cái vẻ láu-lỉnh của cái tuổi xanh măng. Nhưng nhiều trẻ đã mất hết cái vẻ ấy rồi, trông chỉ con nét mặt sì-sị, lạnh ngắt như đống tro tàn, rõ ra những vẻ buồn rầu và chỉ biết phục-tòng như cái máy vậy. Rồi ra những « lên lính » có trật-tự ấy, cứ như thế mãi đến hết đời, vì họ đã thụ-nạp được vài cái nguyên-tắc tốt, giản-dị, những cái nguyên-tắc ấy sẽ giúp họ được bình-tĩnh đi trên con đường đời giản-dị của họ ; và cũng vì những nguyên-tắc ấy họ sẽ vượt lên và nhận lấy cái chết.

II

Cái hại lao-trí ở nước Nhật

Cũng như ở Pháp, khi đến mười hai mười ba tuổi, phần nhiều những con trẻ Nhật-bản thôi không đi học ở các trường sơ-học nữa. Họ về làm ruộng, hoặc đi làm ở các nhà máy, hay các xưởng thợ. Nếu cách sinh-nhai ấy không phải khó nhọc lắm mà cũng đủ bát ăn, thì họ lại giữ được cái vẻ vô tư-lự, cái tính vui-sướng tự-nhiên. Những người đó là những người sung-sướng đấy.

Nhưng những kẻ khác, những kẻ vẫn còn theo học thì sao? Số này thì nhiều lắm vì những bậc cha mẹ người Nhật tin sự ích-lợi của giáo-dục một cách đáng cảm, họ chịu cực-lực hi-sinh cho con cái, ít ra cũng phải cố cho con trai đi học.

Những sự ích-lợi của giáo-dục? Tôi có gặp tại một phố ở Đông-kinh, một người bạn vốn là người Mĩ nhưng thuộc về phái tri-thức lăng-tẳng đã từng học qua ở các trường Đại-học của hai thế-giới. Lúc đó ông đã nhận dạy khoa cận-kim sử-ký trong một hạn là hai năm — ở trường Sư-phạm Đông-kinh và trong một trường Đại-học khác. Lần này chúng tôi lại được mục-kích một dẫy dài những học-sinh đi qua vận cùng một lối y-phục; — toàn là những trẻ từ 15 đến 16 tuổi; — lần này tôi cũng lại nhận thấy cái vẻ nghiêm-nghị, buồn rầu trên mặt họ, cặp mắt họ lờ-đờ, mà có khi hơi ngơ-ngác nữa.

Tôi hỏi vị giáo-sư kia:

— Tại sao học-sinh có vẻ như vậy?

Ông lắc đầu trả lời: — Cái đó thường lắm, những con trẻ trong sáu bảy năm ở trường Trung-học và bốn hay năm năm ở trường Đại-học, phải chịu lao-tâm tổn-trí hơn các học-sinh Âu, Mĩ nhiều. Bà cũng biết, học nói tiếng quốc-âm cho thông phải tốn thời giờ và khó-khăn biết mấy!

Họ phải cố sức ít ra là trong bảy năm mới nhận hết mặt chữ và hiểu thấu sử ký và văn-học nước nhà; ấy là chưa kể đến văn-học và sử-ký nước Tàu tức là cái nền văn-hiến của họ cũng như văn Hy-La là nền văn-hiến nước Pháp ta vậy. Lại còn phải kể thêm vào đấy một mớ học-thức tây-phương về cách-trí hay về văn-chương — tôi không dám kể hết sợ nhàm tai bà — và nhất là tiếng Anh lại bắt buộc phải học vì nó có thể coi là thứ tiếng thứ hai của Nhật. Thứ tiếng này hiện các giáo-sư các trường Đại-học cũng thường dùng đến. Mà tinh-thần nó lại khác hẳn với tiếng Nhật và các thứ tiếng ở Đông-phương — đến nỗi những ý-tưởng và những chữ của thứ tiếng này không thể tìm chữ và ý-tưởng nào thật đối nghĩa ra tiếng Á-đông được. Bà lại nên nhớ thêm rằng một số học-sinh còn học cả tiếng Đức, tiếng Pháp — tiếng Đức được những nhà cách-trí và những y-sĩ dùng, tiếng Pháp được người sở-trường về văn-tự dùng. Ấy đó, thân-thể đương thời-kỳ trưởng-dưỡng, mà học tập nặng-nề là thế, lại đến thức ăn cũng không được dồi-dào: chỉ gạo, rau, canh cá chứ ít khi có thịt mà dùng. Thế thì chắc bà hiểu tại sao có kẻ đến nỗi thiệt thân, hay sinh ra chán-nản và ai nấy đều bị suy-nhược vì lao-lực quá.

— Nhưng họ có tập thể-thao cơ mà?

— Có, phần nhiều chỉ chơi base-ball, chứ bóng tròn thì người Nhật không bao giờ quen cả, bởi vì người trong nước đều đi gettas - một thứ guốc gỗ; những cầu tường có chơi thì hoặc mất guốc hoặc đá bắn lên như những hòn phi-tầu thạch, — sinh ra tệ hại cho người chơi. Còn lối chơi hockey và lối

chơi cricket họ cũng gần không biết đến. Trái lại, lối chơi *base-ball* rất thịnh-hành. Nhưng họ không bao giờ có được những quân-quân tuyển-thủ cả, vì càng lớn lên học trò càng chơi ít đi. Họ không có đủ thì giờ mà chơi. Họ tập thể-dục, tập lối toàn vận-động, và nếu họ có tài trong một lối chơi nào trong khoa điền-kinh như : chạy, bơi, nhảy, thì họ tập lối ấy. Nhưng các cách tập đó chỉ tốt cho sức khỏe, chớ không giải-trí được cho họ bao giờ, và cũng không làm cho họ ham-mê được. Càng lên những lớp trên họ càng tập binh-bị — không những chỉ có một cách thao diễn, mà còn học cả những lệ-luật nữa; ai có bằng binh-bị do các viên sĩ-quan tập-luyện cấp cho mới được vào các trường Đại-học.

Tôi cũng đã biết điều đó ; vì trước kia người ta có kể cho nghe một câu chuyện con : Ở Đông-kinh những nhà giòng có mở một trường Trung-học Pháp đã lâu đặt hiệu là Sao Mai (l'étoile du matin) trường của nhà chung, nhưng phần nhiều việc giáo-dục đều do những giáo-sư Nhật dạy cả. Trường đó đã nổi tiếng ở những nơi quí-phái. Nhưng hoặc vì có bí-mật điều gì, hoặc vì phạm đến chủ-nghĩa quốc-gia, nên nhà quân-phiệt là thống tướng Araki đem lòng ngờ vực.

Ông nói với những đức cha :

— Các cha tuy không dạy đạo Giatô, nhưng làm mất cái lòng tôn-quân của trẻ, tức là cái điều cốt-yếu cho cái quốc-gia tôn-giáo của chúng tôi là đạo « Thiên-tôn » (Shintoïsme).

Những ông Đốc trường đó cãi lại rằng :

— Chúng tôi có đâu làm mất cái lòng tôn-quân của chúng ! Sự thật nào có thế ! chúng tôi thường chẳng đưa những học-sinh đi chiêm-bái những lăng tiên-đế và đền thờ đức Tiên-hoàng Minh-Trị là gì?

Thống-tướng Araki không nói thêm câu gì. Nhưng ông cố ý hại trường đó một cách gián-tiếp : ông rút cả những sĩ-quan dạy ở trường ấy về, tức là ngăn cản học-trò không cho làm gì với nhà nước nữa.

Người bạn tôi lại nói tiếp :

— Bà có nhận ra giáo-dục Phù-tang trái ngược hẳn với giáo-dục của ta không ? Những trẻ con họ chiều, họ nuông lắm, họ để cho chúng được hoàn-toàn tự-do, nhưng ngày qua tháng lại, họ sẽ bớt dần đi, họ kiềm-thúc chúng, họ bó-buộc chúng, dây trói càng ngày càng thắt chặt, trật-tự nhà binh càng ngày càng ngặt, trật-tự nhà trường cũng thêm chặt-chẽ. Ở trong lớp không được bàn-bạc chuyện gì, không được khởi-xướng việc gì ; không có một ý-tưởng gì ngông-cuồng hay tự-lập là không bị dẹp đi ngay. Thầy giáo thường chỉ đọc bài để học-trò im lặng ngồi nghe và lấy « nốt ». Ngay ở những trường Trung-học, các ý-tưởng của những học-sinh đều bị chính-phủ kiểm-soát ; mà kiểm-soát rất ngặt. Cái chế-độ chặt-chẽ quá đến nỗi giết cả những lòng tự-nhiên của con trẻ, dẹp cả những thiên-tính của chúng, dần-dần thay đổi những thanh-niên tươi tỉnh ngây thơ, lúc nào cũng xinh-xắn, nhanh-nhẹn, thành ra những bộ máy lau dầu thật kỹ, không còn tí nhân-cách gì mà ảnh-hưởng đến những guồng máy của xã-hội nữa. Những giáo-sư Nhật là những bạn đồng-nghiệp của tôi và tôi, thường bàn-luận về vấn-đề đó luôn.

Nhưng họ lại nói rằng : « Chúng tôi không cần mở-mang trí-khôn con trẻ vì trí-khôn rộng dễ sinh ra tính phê-bình, chỉ-trích. Cốt là lúc nào cũng có một phái thượng-lưu. Phái ấy không

cần phải dông cho lắm. Còn các kẻ khác chỉ cốt luyện cho họ nên hạng dân trung-bình, có nghị-lực, chịu khó và nhất là phải phục-tòng và hết lòng trung-thành với nước với vua ». Tôi phải nhận rằng công-trình ấy họ đã có kết-quả rồi.

Vào khoảng 17 tuổi những trẻ đất Phù-tang đã phải đi thi lấy bằng tương-đương với bằng Tú-tài của qui-quốc. Họ đã thâu-thái được khá nhiều kiến-thức nhưng vẫn chưa hiểu được kỹ-càng, còn cái khiếu thông minh cái tính dò xét, cái trí sáng-tạo, phần nhiều không bằng một kẻ học-trò lớp ba trường Trung-học bên ta ; nhưng đã có một số ít kia rồi tức là phái thượng-lưu mà bạn đồng-nghiệp tôi đã nói, cái số ấy chỉ chực gây nên loạn. Thành thử có hai hạng người vào trường Đại-học : một hạng « người máy » chịu mặc cho thế-sự xoay vần và một hạng người ưa bạo-động vì có lòng uất-ức.

Hai hạng người đó, đều vào nhập-học bậc Cao-đẳng.

III

Cái thảm-trạng của những học-sinh Nhật

Nước Nhật, có chừng 40 trường Đại-học hay Cao-học, công hay tư, và có 35.000 học-sinh. Cái số đó kể cũng đã nhiều, nhưng mới chỉ là một phần ba cái số thí-sinh đệ đơn xin vào học trong kỳ khai trường.

Những kỳ thi tuyển học-sinh ấy không phải chỉ là một thể-lệ thường đâu, cứ xem những đầu-đề các bài luận, thí-dụ như « Phương-pháp của Kant » và « Địa-vị Talleyrand ở hội-nghị thành Vienne » cũng đủ biết là khó. Các ngài có thấy những học-sinh Pháp ta luận về phương-pháp của nhà triết-học Fouk u-Zawa hay địa-vị của một nhà ngoại-giao Phù-tang nào đó ở Hòa-ước Kanagawa không ? Nhưng nói cho đúng ra, thì phải xem cách họ làm bài ra sao, mới biết được học-lực của họ.

Ở Đông-kinh có ba trường Đại-học to : trường Keio chỉ có những con nhà giàu, kỹ-nghệ hay thương-mại, đến học thôi, trường Waseda, trường tư-tưởng cao hơn hết, trường có ý-tưởng nghịch nhất, chỉ có hạng trí-thức nghèo đến học thôi, mà học-sinh sau này sẽ làm giáo-sư, văn-sĩ, những người muốn hoán-cải xã-hội lại ; sau cùng là trường Impériale, trường to-tát hơn cả tức là Đại-học-đường của nhà nước, có học qua ở đây mới thành-đạt to được. Một câu phong-dao Phù-Tang đã nói : « Trường Impériale luyện những thượng-thư, trường Keio tìm ra tiền, trường Waseda hun-đúc thành những bạn tốt. »

Tôi chỉ đến thăm có Đại-học-đường Impériale — Riêng trường đó đã có 8 nghìn học-sinh. Trong kỳ động đất năm 1923, trường đó đã bị phá tan hết cả. Nhưng sau cuộc đại-họa người ta nhận ngay được giấy thép của Rockfeller tặng 4 triệu đồng bạc Nhật (*Yens*) để xây lại, nghĩa là theo giá bạc cũ vào khoảng 45 triệu quan ; cái kết-quả thật vĩ-đại.

Trên một cái bãi rộng, cây cao bóng mát, có chừng 30 nóc nhà ; lối kiến-trúc nửa tựa như lối trung-cổ nước Pháp, nửa tân-thời, có tháp, có gác chuông, cửa cuốn, có hè chạy xung-quanh như lối kiến-trúc của phần nhiều những trường đại-học Mỹ.

Một giáo-sư dẫn đường cho tôi đi xem, có khoe :

— Trường có tới 150 nghìn thước

30

vuông làm nhà và gần 1 triệu thước vuông làm sân.

Những lớp học, những phòng thí-nghiệm vật-lý-học và hóa-học, những buồng rộng để thực hành y-khoa, xếp đặt gọn-gàng lắm và có đủ những khí-cụ rất tinh-xảo về khoa-học và cơ-khí. Buồng đọc sách rộng như cái nhà thờ, những cột to lớn toán bằng đá hoa đỏ, ở đấy những học-sinh đang mê-mải xem những tạp-chí và nhật-trình các nước, chúng tôi đến gần cũng không ngửng đầu lên ; những bậc thang đều bóng lộn như làm bằng cẩm-thạch. Thư-viện rõ là một cái dinh-cơ có tới 300 nghìn cuốn sách. Thật là một thư-viện giàu có ; riêng bộ Pháp-văn có đủ cả tên mọi tác-giả, từ nhà văn-sĩ cổ-điển đầu tiên, đến những nhà văn-sĩ tối-tân hiện-thời, cả những nhà cực tả-chân cũng không thiếu. Ở một góc sân, có một cái nhà thương thật đẹp, giá chữa bệnh thật rẻ ; đứng trên mái nhà ấy trông ra được tới công-viên Uéno, công-viên này có cây xanh biếc như nước bể, bề mặt bao-la như một khu rừng, ở đó có một khách-sạn giá ăn cũng rẻ lắm.

Trong vườn có học-sinh mặc áo chẽn đọc sách hay học bài ; có người nằm-oài nằm trên bãi cỏ, không như ở Pháp ta nằm thế là bị cấm ; có người ngồi sồm vòng tròn dưới bóng xanh những cây thông, cây trắc, mà luận bàn ; lại có người thơ-thẩn dạo quanh những bể nước trong, có những tia nước uốn-éo với làn gió nhẹ. Trong buổi xuân-nhật này, giữa cái quang-cảnh sầm-uất, tốt tươi mà cái gì cũng hữu-ích cho sự học, sự tiện lợi, sự giải-trí của họ, thì đáng lẽ họ tươi cười vui sướng mới phải, sao lại thản-nhiên như không ?

■

Họ không thể thế được. Họ còn có nhiều điều phải lo nghĩ. Trước hết cách sinh-hoạt của phần đông rất là khổ sở. Những học-sinh nhà không ở Đông-kinh, tháng nào cũng phải trả tiền học-phí và tiền sách vở ít ra là 100 đồng bạc Nhật (*yens*), — tức là 500 hay 600 quan — Vả lại, sinh-kế càng ngày càng đắt đỏ, công lương cang ngày cang hạ, nên nhiều cha mẹ hết sức chắt bóp đến cùng-cực, mà cũng không kiếm được cho con số tiền nhỏ mọn ấy. Những học-sinh đều trọ trong những lữ-quán mùa đông thì buốt, mùa hạ thì nóng, chồng chất 12 hay 15 người vào một buồng. Giá ăn ở khách-sạn nhà trường tuy rẻ, nhưng đối với họ còn là sang quá. Họ cùng nhau ăn uống dùng những đĩa cơm lớn và những đĩa rau, chỉ nặng cho dạ dầy chứ chẳng có gì là bổ cả. Ăn-uống đã khổ-hạnh như thế, một ít người lại phải đi kiếm chác thêm vào. Người nào may thì đi dạy học, giữ sổ sách kế-toán làm ở phòng thí-nghiệm, hay ở các hiệu thuốc. Còn những người khác có thể làm được gì thì làm. Người ta có nói với tôi—nhưng tôi chưa dám tin là thật — có học-sinh buổi sáng đi mang sữa, bán nhật-trình, buổi chiều đi kéo xe. Chính tôi đến thăm một buồng giấy tìm việc cho bọn thất-nghiệp, tôi trông thấy những bộ mặt rõ ra vẻ những người có tri-thức, mắt dăm-dăm ở sau bộ kính, mà phải lấy làm lạ.

Một người làm công trả lời tôi rằng :

— Thật thế, chúng tôi cũng có cả những học-sinh nữa. Trong một tuần lễ họ làm một hai ngày bằng tay, còn những ngày khác họ làm việc bằng óc...

Ngoài ra, lại còn việc binh-bị có thể làm ngăn trở việc học, khiến cho học-

sinh phải lo-ngại nữa. Hội-đồng kiểm lính, luật ra rất là nghiêm-ngặt, chỉ nhận một phần tư những người đầu đơn, những người nào khỏe-mạnh không có bệnh tật gì mới được. Nhưng những người được đăng, lại phải theo một cái chế-độ ngặt đến nỗi những thanh-niên hết lòng ái-quốc cũng phải sợ.

Một nhà binh-sĩ có nói với tôi rằng:

— Bà thử nghĩ xem những tên lính trẻ vào khoảng 20 tuổi, mỗi ngày phải đi từng 50 đến 60 cây-số, mà chỉ được ăn cơm với cá muối thôi, không bao giờ có thịt và rượu cả. Tôi đã có lần ăn-uống theo hạng sĩ-quan, tôi cưỡi ngựa theo họ tập mà cũng bị lả người đi. Đến những người đã vào ngạch phụ hay đã thải rồi, cũng vẫn chưa rứt xong hẳn với những quan-chức nhà binh: họ phải đòi hỏi luôn, phải xem xét về sức khỏe và sát-hạch về binh-pháp, phải đi tập và đi thao-diễn từng kỳ một. Còn lao-trí, thì kể còn hơn ở các trường Trung-học nhiều. Những giờ học và những giờ nghe giảng nghĩa, bắt đầu từ 7 giờ sáng rồi liên-tiếp nhau mãi cho đến chiều. Nhiều bài thật chẳng ăn thua gì cả, vì những giáo-sư chính, tuy toàn là những bậc uyên-bác cả, nhưng các ông thường có người thay mà những người thay lại toàn là những người trẻ tuổi vô-tài, hay những ông giám-thị chỉ biết cầm sách mà đọc chứ không có cắt nghĩa câu gì.

Ông bạn giáo-sư đại-học mà tôi đã nói, tiếp thêm:

— Những giáo-sư có lẽ vì vô-ý mà phạm vào một điều lầm nữa; lương các ông không được hậu, nên các ông thường nhận dạy thêm nhiều lớp; lại vì số học-sinh đông các ông cũng lao-trí, thành không có trực-tiếp với học trò mấy. Các ông chỉ biết qua-loa tên và mặt họ thôi. Mà học-sinh Nhật, khốn thay! lại cần phải có người khuyến-khích mới được: họ tuy khát-khao học-thức, mạnh-mẽ và kiên-tâm thật, nhưng họ không được thông-minh như người Cao-ly hay người Trung-hoa, mà làm việc gì cũng có ý tinh và cũng có phương-pháp. Họ không có ai khuyên-răn và ân-cần dạy-dỗ, nên họ có uất-ức cũng chẳng có gì là lạ.

■

Trước nhất họ uất-ức chống lại những viên-chức ở nhà trường. Những cuộc học-sinh bãi-khóa càng ngày càng nhiều. Họ chỉ cốt xin đổi những vị giáo-sư không đủ tư-cách hay tuyệt-nhiên không biết đến học-trò, hay hoặc đối với họ không có lòng vị-nể. Một ông trong những ông đó, dạy học dùng cách mãnh liệt quá, thành làm chạnh lòng cả học-trò, vì người Nhật rất giàu lòng chấp-nhất; ông giáo đó nhận ngay được một bức thư dọa nạt dao găm và thuốc độc. Ông đâm hoảng và từ đó ông mỗi lần đến dạy học là có một cảnh-sát đi theo, tay cầm gươm đứng ở cạnh bàn. Việc này đã thành ra một câu chuyện đùa của học-sinh trong các lớp và các sân trường Đại-học.

Trái lại, họ cũng có khi phản-kháng sự thải một giáo-viên — như cái trường-hợp mới rồi của viên giáo-sư ở Kyoto — Ông giáo này không những được học-sinh quí-mến, lại được lòng cả các bạn thanh-niên Nhật nữa. Những viên-chức trong ban « kiểm-soát tư-tưởng » cho sự huấn giáo của ông có ý chỉ-trích những yếu-điểm của chế-độ nhà trường, và phàn-nàn cho cái tình-cảnh hèn yếu của phụ-nữ Phù-tang trong việc hôn-nhân. Người ta cho những bài

của ông dạy có hại cho nước nên yêu cầu viên Đốc-học phải thải ông ra.

Vì đó, 6.000 học-sinh mà không phải học-sinh trường Kyoto đã phản-kháng hồi trước rồi đâu, cũng không phải nhà trường Waseda là một trường bạo-động, nhưng toàn là những học-sinh khôn ngoan trường Đại-học Impériale của nhà nước, cùng họp nhau lại phản-kháng kịch-liệt đến nỗi cảnh-sát phải can-thiệp đến. Trong cuộc đổ máu này có 36 người bị bắt và viên Đốc-học trường Kyoto, dành chịu hi-sinh với chúng, xin từ-chức.

Học-sinh lại chống lại với xã-hội và nhất là xã-hội nước Phù-tang. Họ đã đọc nhiều sách, đã nghiền-ngẫm nhiều ý-tưởng thì làm gì chẳng có một đôi chút nghi ngờ về cái chế-độ cũ của nước họ là cái chế-độ bấy nay làm cho Đế-quốc Nhật-bản được vững-vàng. Ngày nay nhiều kẻ không còn tin rằng: chiến-tranh là một cái vinh-hạnh, họ lại nhẫng bỏ cả sự tín-ngưỡng về cái oai-quyền thiêng-liêng của Hoàng-đế nữa. Họ cho rằng nước họ chỉ là một cái mồi cho tụi qui-phái ích-kỷ, tụi tham nhũng, tụi chánh-khách vô-tài nó vò xé. Còn những thợ-thuyền không có luật lao-động bênh-vực — phải dầu tắt mặt tối — và những nông-dân phải đóng thuế nặng-nề rồi cũng đến chết đói chết rét hết.

Và nhất là họ biết rằng 4 vạn anh em họ rồi ra không có việc làm, đành chịu một cái tương-lai khốn-khó, không hi-vọng gì.

Những học-sinh cầu vấn-hồi lại những ý-tưởng, những phong-tục cổ thì rất ít; còn phần nhiều người trong bọn họ và những tụi tri-thức nghèo, giáo-sư hay văn-sĩ thì khác: những hạng này dầu không hoàn-toàn hoan-nghênh chủ-nghĩa cộng-sản, nhưng đối với chủ-nghĩa đó họ cũng có tình liên-ái. Văn-chương Sô-viết, vì thế, không ở đâu có số độc-giả nhiều và hết lòng tín-nhiệm như ở nước họ. Vì ta nên biết rằng ở nước Nhật, những sách cộng-sản người nào có thì bị tội, hay là tìm thấy ở thư-viện nhà ai, thì người ấy bị bắt, nhưng vẫn được phép bán ở trong những hàng sách lớn ở Đông-kinh; các sách ấy thường chất đầy ở các tủ hàng. Đó cũng là một điều trong những điều tương-phản lạ-lùng nó đầy-đầy ở đất nước Nhật

Những viên-chức kiếm cớ nói tránh ra rằng:

Đó là tại hợp-đồng thương-mại với Chính-phủ Sô-viết mới có sự lạ như thế. Một viên quan người Phù-tang có nói thật với tôi rằng:

Đấy là một điều rất tiện cho cảnh-sát; họ chỉ hỏi những hàng bán sách là đủ biết những ai mua sách đó. Đã biết rồi thì chỉ việc để ý dò-la là xong...

Ở Nhật không còn ai tránh khỏi cái quyền giám-sát cả; ai có tư-tưởng gì trái phép là bị trừng-trị ngay. Lúc nào người ta cũng thường thấy có học-sinh các trường Đại-học và các trường Trung-đẳng bị bắt. Có khi cả thầy lẫn trò cùng bị bắt một lúc, và cùng bị giam trong một chiếc nhà pha.

— Chính vì thế mà một năm nay tôi mất ngót chục người học-trò giỏi. Đó là lời than của ông bạn Mĩ tôi.

Ít lâu nay, trên các báo thấy đăng những bản kê tên kẻ can phạm luôn luôn. Nào những nhà gia-thế, nào những công-tử và tiểu-thư — con những tử-tước, những đại-tướng, những thủy-quân đô-đốc, những thượng-thư

đại-thần, — những thanh-niên mà cái tương-lai không cần phải lo ngại gì, đủ cho ta biết rằng ở nước Nhật đã vào một thời-đại mới.

Mới đây, thiếu niên tử-tước Hachijo vì theo chủ-nghĩa cộng-sản mà bị giam trong nhà pha Ichigaza, còn ông bố thì phải xin từ chức ở phòng Quốc-sự viện, và chức giám-đốc Trung-ương ngân-hàng của Thương-mại lương-đoàn; cũng cùng một thời-đại ấy một người bạn của thiếu-niên tử-tước là con giai lớn của tử-tước Mori, vì cớ đó, bị hai năm tù. Những việc xảy ra ấy không phải là những trường-hợp đặc-biệt đâu. Đến ngay trong đám quan chức người ta cũng thấy càng ngày càng nhiều những đảng-viên cộng-sản. Hai vị quan tòa — một người 31, một người 35 tuổi, — vừa rồi bị giam hà chẳng cùng một tội ấy ư? Ban « Kiểm-soát tư-tưởng » thực là vô-thế-lực. Một vị quan-chức ở trường Đại-học vừa rồi phải than rằng:

— Cái « bệnh hủi » đã lan ra rồi đó!

Nhưng cũng có khi lòng tuyệt-vọng ắt cả chí chống cự. Thiết-tưởng không ở đâu người ta dễ tự-tử hơn là ở nước Nhật nữa. Cái đó là một thói quen vì phong-tục và cổ-truyền nước họ như vậy.

Nhưng sự tự-tử của các học-sinh mấy năm gần đây, tăng lên nhiều quá, đến nỗi những nhà cầm vận-mệnh nước cũng phải cảm-động. Tự-tử bằng thuốc độc, trầm mình, thắt cổ, lối nào cũng tiện cho học-sinh để thoát-ly ra khỏi cái đời bội-bạc.

Mới mấy tháng gần đây, có một ngọn núi lửa ở chiếc cù-lao con xinh-đẹp *Oshima*, gần Đông-kinh, lại phun lửa. Miệng núi phun ra rất mạnh, trước còn là cái đích cho những cuộc phiếm-du của bọn thi hành, sau rồi mới trở nên một nơi yêu-mến của những ai muốn tự-tử một cách lãng-mạn nên thơ. Trong vài tuần-lễ đã có tới 111 người tự-tử, trong bọn ấy phần đông là những học-sinh, chúng đến nhảy một cái cuối-cùng vào cái miệng đỏ hồng của con quái-vật. Đến nỗi, một toán cảnh-sát phải đến coi xung-quanh chỗ đó để ngăn ngừa những kẻ quyên-sinh.

Một nhà báo Mĩ có đến thăm phong-cảnh ấy. Ông đứng cách miệng núi lửa mấy bước. Núi đương gầm lên ầm-ầm, và phun lên những đám khói hung-hung. Có một người thanh-niên đứng trước ông, người này nhỏ-nhắn bảnh-khảnh, vận y-phục lối học-sinh, đương đứng im, cúi xuống nhòm miệng núi. Người đó ngửng đầu lên trong độ một giây đồng-hồ cười với mọi người đứng xung-quanh mình, — cái cười chua-xót của người Nhật — rồi tay giơ lên trên đầu như lối người bơi lặn, nhảy biến vào cái hang sâu thẳm.

Người đó đã giải-quyết xong cái vấn-đề sinh-hoạt quá ư khó khăn (1).

Đạ-thành P. X.-Đ. *dịch-thuật*

---

(1) Thuật theo sách « *Le Japon intime* » của bà ANDRÉE VIOLLIS.

NGƯỜI PHÁP VỚI ĐẠO KHỔNG

Không phải là nhà chuyên-môn, « Anh nó » chớ có vội phán-đoán những khối vàng cồ nào là tốt xấu, một phải kính-cẩn đến hỏi ông thợ kim-hoàn. Mà đối với nghĩa-lý cũng phải như thế. Người thợ kim-hoàn trên đàn học-thuật thế-giới ngày nay, không phải là người Thái-Tây thì còn là ai ? « Anh nó » muốn biết một cái học-phái cũ nào trong thế-giới nó hay dở ra sao, « Anh nó » cứ tới đó mà hỏi. Bởi vì ở đó hiện nay người ta đang được dịp tinh chuyên, tài-liệu nhiều, lò khuôn sẵn, ngày nào người ta cũng thí-nghiệm nên người ta rành.

Tức như đạo Khổng cũng vậy. Nếu ta không đủ sức tự-tin, ta hằng nên chất-chính ở một nhà học-giả nào ở nước Pháp, nhưng phải là nhà học-giả đã nghiên-cứu chữ Hán và đạo Nho rất tinh-chuyên rồi mới được. Cũng như là một ông thợ kim hoàn đã lão-luyện trong nghề chế-hóa ngũ kim rồi mới được. Vậy bài này tôi xin đem mấy lời phán-đoán của một người thợ kim-hoàn về học-thuật đông-phương, ông G. PAUTHIER, đã từng phí bao nhiêu công-phu mới đem được đạo Khổng từ chữ Hán truyền vào chữ Pháp, tức là ông G. PAUTHIER đã dịch bộ Tứ-thư ở chữ Hán ra chữ Pháp, và ông viết bài tổng-luận nói về uyên-nguyên đạo Khổng. Trong bài ấy, mỗi bộ sách về Tứ-thư, ông lại viết một đoạn phân tích ngắn để giới thiệu cho độc-giả trước khi đọc sách biết tới những chỗ tinh-thần cốt-tử cùng là chỗ nhược-điểm. Xem ra, đối với đạo Khổng, ông G. PAUTHIER thật là có công-phu, mà cái ý-niệm của ông thật là trì-bình, thành-thực chứa-chan có cái ý kính mến, nghiêm-nhiên mà cái khí-tượng ôn-hòa, một cái luận điệu ung dung của nho-giả Đông-phương xưa, dù ông đã từng hiểu-thấu cái nước Tàu mông-mênh là nơi quê-hương của Phu-tử, gần đây rất là bại hoại mặc lòng.

Bởi vậy tôi xin đem những chỗ cốt yếu ở bài tiểu-dẫn và bài tổng-luận đã in trên đầu sách Tứ-thư bản dịch chữ Pháp ấy lần-lượt giải bày ra sau này, để cho trong phái nhà Nho ở đây biết một quan-niệm và tài-học của một nhà bác-học Tây-phương đối với đạo Khổng là thế nào. Viết bài này, tôi cũng tự biết là làm một việc quá sức mình, xin độc-giả lượng cho.

Sách *Tứ-thư* 四書 bản dịch chữ Pháp ấy, nhan đề lại là : « *Doctrine de Confucius ou les quatre livres de Philosophie morale et politique de la Chine* = *Đạo Khổng hay là bộ Tứ-thư triết-học về luân-lý, chính-trị nước Tàu* ».

Bài tiểu-dẫn, giữa có hai đoạn cần nên lược-thuật ra đây :

« ...Tuy cái cõi đất mông-mênh (nước Tàu), nơi đã từng truyền thụ đạo-học của Khổng Phu-tử ấy, gần nay ta chỉ thấy nào những kẻ bạo-chủ cùng những kẻ nô-lệ đê hèn, nào những cách chính-trị chuyên-chế, cùng một mớ tư-tưởng điều-hòa hầu-lốn về mê-tín dị đoan, nào một mớ dân đông nhung-nhúc mà vô-giáo điên đồ, nào tụi quan-lại lếu-láo, nhà vua chúa kiêu hoạnh cùng là những lễ-nghi kỳ-quái, bụt tượng thô-tục. Nhưng dù thế mặc lòng, cõi đất nước Tàu ấy vẫn là nơi sản-xuất của

một cái văn-minh đã từng mĩ-lệ huy-hoa ở góc trời Viễn-đông một hồi cổ-đại, như những văn-minh ở *Rome* (La-mã), ở *Athènes* (Hi-lạp), ở *Perse* (Ba-ti), ở *Egypte* (Ai-cập) và ở *Assyrie* rồi... »

«. . . Chủ-nghĩa của Khổng Phu-tử là một chủ-nghĩa có tính-cách thực-hành. Chủ-nghĩa dạy cho người ta phải tự-tu, phải tu-tiến, dạy cho tất cả chúng ta đều phải hết sức để đạt tới chỗ ý-tưởng hoàn-thiện, mà ý-tưởng ấy chính tự thân Phu-tử, một đấng sư-tôn, một vị trưởng giáo, lọn tốt lọn lành, đáng gọi là bậc chí-nhân 至仁 của loài người, đã từng thực-hành rồi. »

Ấy cái ý-niệm tri-bình mà thể-tất của G. Pautrier tiên-sinh là thế, mà thật vậy. Ai hay vượt khỏi cái phạm-vi của thời-thế với cảnh-ngộ ? Người ta không lấy hiện-tình của những nước nhỏ, những bộ-dân trong hai cái bờ cõi đông tây La-mã trước hồi Ý-đại-lị chưa thống nhất vào khoảng nửa trên thế-kỷ XIX, trước đây độ hơn 60 năm, mà kết án cho văn-minh và đạo học Hi-La, thì người ta há nỡ lấy hiện-tình nước Tàu và hiện-tình những đất láng-diềng cùng chịu ảnh-hưởng văn-hóa Tàu mà kết án cho văn-minh Tây-Châu và đạo học Khổng-tử dư ?

— Bài tổng-luận đại-ước như sau này : Trước hết ông G. Pautrier nhắc đến kinh *Thư* mà nói về chỗ uyên-nguyên của đạo Khổng. Ông nói văn-minh Tàu là một cái văn-minh có trước nhất trong thế-gian. Kinh *Thư* thiên thứ nhất là một áng cổ-văn rất xưa trên lịch-sử thế-giới, có trước kỷ-nguyên tây hơn hai nghìn năm. Sách ấy do nhà đại-triết Khổng Phu-tử lựa góp lại mà xếp đặt nên, làm vào hồi nửa dưới thế-kỷ thứ VI trước Tây lịch. Phu-tử là người bác-học hiếu-cổ thì chắc những đoạn cổ-văn ấy tất Ngài không có làm biến-cải cho hỏng đi.

Kinh *Thư* lấy đạo Trời làm gốc, đạo Trời tức là công-lý mà phải đem thực-hành cho dân. Ấy gốc triết-lý về đạo-đức, về chính-trị của văn-minh Tàu là ở đó. Đó tức như cái nghĩa của câu cách-ngôn về chính-thể dân-chủ ngày nay là : « Tiếng dân là tiếng Trời (1) ». Ấy thế mà ở trong kinh *Thư* về cuối thiên *Cao-giao-mô* 皋陶謨 đã thấy cũng có một câu cách-ngôn giống như thế là « Cái gì mà Trời trông nghe thấy thì nó chỉ là cái tự dân trông nghe thấy. Cái gì mà dân xét ra đáng thưởng hay là đáng phạt thì nó tức là cái mà Trời muốn thưởng hay là muốn phạt (2), 天聰明自我民聰明。天明畏自我民明威。達于上下敬哉有土 ». Nó có một cái tin thông-báo mật-thiết ở giữa chỗ Trời với dân, kẻ cai-trị dân phải biết mà giữ ý-tứ cẩn-thận. Ở *Đại-học* cũng có câu : « Giữ được lòng dân thì giữ được nước, mà làm mất lòng dân thì phải mất nước : 得衆則得國 失衆則失國 »

Do chỗ uyên-nguyên của tư-tưởng như thế, cho nên về chính-trị cũng như về giáo-dục, Khổng-tử cho phàm kẻ làm tiêu-biểu, trước có tự-tu được thân thì rồi mới thực-hành làm cho xã-hội hoàn-thiện được. Ông G. Pautrier rất tán-đồng với cái ý-kiến ấy và rất phản-đối với cái quan-niệm chính-trị ngày nay, ai cũng dự phần được. Ông nói, đại-ước rằng : « Cứ như Khổng-tử thì việc chính-trị là việc phải công-bằng và ngay thẳng » (*Selon Khoung Tseu, le gouvernement est ce qui est juste et droit* 政者正也 *Luận-ngữ* thiên XII). « Trái lại, theo cái quan-niệm ngày nay thì kẻ chủ-trị người ta không cần phải sửa mình bằng một chút công việc về tinh-thần, đạo-đức gì » (*Au contraire,*

(1) Vox populi, vox Dei (Latin) = La voix du peuple est la voix de Dieu.
(2) Dịch theo câu chữ Pháp đã dịch.

le gouvernement, dans la conception moderne, on n'a pas besoin d'être préparé par le moindre travail intellectuel et moral).

— Những đoạn phân-tích từng bộ sách trong *Tứ-thư*:

a) Sách *Đại-học* 大學. Về văn-thể, ông G. PAUTHIER lấy chương đầu là chương của Khổng-tử viết, là một áng văn cao-nhã nhất trong các áng văn của ngài. Áng văn này tới một bậc thượng-đẳng, dùng một phương-pháp luận-lý (*logique*) rất thông-thạo.

Về nghĩa lý thì ông G. PAUTHIER nói: Tất cả chủ-nghĩa của chương đầu ấy là đặt ra một cái nguyên-lý lớn mà bao nhiêu nguyên-lý khác đều thuộc vào đó và đều theo đó chảy tuôn ra như một chỗ ngọn nguồn tự-nhiên. Ngọn nguồn ấy tức là « đạo tu-thân » (*le perfectionnement de soi-même*) vậy.

b) Sách *Trung-dung* 中庸. Ông G. PAUTHIER theo nghĩa Trình-tử mà dịch cái đề-mục *Trung dung* là « *l'invariabilité dans le milieu* », nghĩa là *chủ-nghĩa bất-biến trong đạo Trung*, ông cho chủ-nghĩa Trung-dung cũng giống chủ-nghĩa đạo-đức của phái triết-lý STOÏQUE (Kiên-nhẫn) của EPICTÈTE và MARC-AURÈLE ở La-mã về thế-kỷ I và II. Duy trong sách *Trung-dung* chỗ nói về hai bậc người « *chí thánh* 至聖 *l'homme souverainement saint* » với « *chí thành* 至誠 *l'homme souverainement prafait* », ông G. PAUTHIER thấy nghĩa có phần lẫn-quẩn, nên ông nói các nhà đại-triết Âu-châu đều cho nghĩa luận-lý của nhà triết-học Tàu kém cái tài suy-lý của nhà triết-học Đức ngày nay.

c) Sách *Luận-ngữ* 論語, ông G. PAUTHIER cho rằng sách *Luận-ngữ* này, đồ-đệ họ Khổng chép những lời thầy trò đàm-luận về triết-lý, có chỗ giống với sách *Vấn-đáp* của PLATON chép lời đàm-luận của thầy trò họ SOCRATE. Nhưng về phần văn-nghệ thì sách *Luận-ngữ* còn kém hơn. Thế nhưng có thể đem những lời nói của Khổng-tử trong sách *Luận-ngữ* mà so được với những lời nói của SOCRATE trong sách *Sử-huấn-lục* (*Des dits mémorables de Socrate*) mà XÉNOPHON học trò SOCRATE, đã lựa chọn mà chép nên.

Nói thế rồi ông G. PAUTHIER hết sức tán-thán về nhân-cách của Khổng-tử ở trong sách *Luận-ngữ* mà rằng: «Người ta có thể nói rằng sách *Luận-ngữ* tỏ cho ta tất cả cái tâm-hồn đẹp-đẽ của Khổng-tử, như là cái tính say-mê đạo đức, cái ái-tình nồng-nàn đối với nhân-loại, với hạnh-phúc mọi người. Ngài không hề có những cái tính khoe-khoang, kiêu-ngạo, hống-hách hay là hãi-hùng; Ngài không chịu hủy-bỏ mất bản-sắc cùng quyền-lực của lời mình nói. Ngài nói: « Tôi không phải sinh ra là tự nhiên đã biết đâu, tôi chỉ là người hiếu-cổ và hết sức để cầu lấy cái biết cho mình *Je ne naquis point doué de la science, je suis un homme qui a aimé les anciens et qui a fait tous ses efforts pour acquérir leurs connaissances* 我非生而知之者好古敏以求之者也 »

Ông G. PAUTHIER còn dẫn nhiều câu về nhân-cách Khổng-tử nữa, nhưng bài này dài rồi, xin độc giả xem thêm ở nguyên-văn.

d) Sách *Mạnh-tử* 孟子. Ông G. PAUTHIER cho rằng Mạnh-tử có được một cái tri-thức của con tâm loài người. Ông đã tỏ ra ở trong bộ sách của ông một cái thiên-tài rất uyển chuyển. Chính sách của ông nó kích-thiết, hùng-dũng hơn là của thầy Khổng-tử. Lối biện-luận của ông là lối của SOCRATE và của PLATON. Ông dạy cho dân biết cái thiên-chức của người làm vua, dạy cho các vua biết cái nghĩa-vụ đối

với dân. Ông vùng-vẫy toàn bằng một cái khí-giới trào-phúng, cái khí-giới ấy ở trong tay ông, nó còn nguy-hiểm và sắc nhọn hơn là ở trong tay ông thánh SOCRATE. Dường như không có một nhà văn Đông-phương nào tỏ được cái cảm thú-vị với một độc-giả Âu-châu, nhất là với một độc-giả nước Pháp bằng Mạnh-tử, là vì ông có cái thần-trí hoạt-bát, dù ở nước Tàu cũng chỉ có ông là đầu giốc tranh-vanh hơn cả.

Cho được chắc-chắn cho lời nói của mình hơn, ông G. PAUTHIER lại dẫn một đoạn văn của một nhà văn Tàu khen Mạnh-tử và một đoạn của một nhà văn Tây bàn về tính-cách Khổng, Mạnh, hai vị đại-triết Tàu, để hợp với những ý-tưởng của ông đã nói như trên ấy.

Bài của nhà văn Tàu có câu: « Về thời-đại Mạnh-tử, những giáo-phái bại-hoại của họ Dương họ Mặc sáng-lập ra, đã ra đời rồi, mà chính-đạo thì đang bị sai-suyễn. Vì thế Mạnh-tử phải ra sức kéo những người ở trong cái mê-đồ lầm-lẫn kia trở lại... »

Bài của nhà văn Tây, ông Abel REMUSAT, thì có câu như: « Văn của Mạnh-tử kém văn của ông Hoàng-Nho (Khổng-tử) về phần cao-trọng và giản-tiệp, nhưng nó cũng sang trọng mà lại quang-huy mĩ-lệ hơn ».

Thế rồi ông G. PAUTHIER kết-luận, đại ước rằng: Dù những lời phán-đoán về hai nhà đại-triết nước Tàu, và về sách vở của hai nhà ấy mà ông đã dịch ra cuốn chữ Pháp đó, thế nào mặc lòng, ông cho rằng hai nhà đại-triết ấy vốn thực là hai bậc thánh-nhân hiếm có, đã từng chiếu ánh sáng cho nhân-loại, và chỉ lối cho nhân-loại bước lên con đường văn-minh.

■

Trở lên đều là lời và ý của G. PAUTHIER tiên sinh mà tôi rút lại và nối cho liền đó thôi, chứ không thêm ý gì vào. Coi đó thì Tiên-sinh đã thâm-hiểu đạo Khổng và yêu mến một cách chân-tình lắm.

Bộ *Tứ-thư* dịch ra chữ Pháp, ông G. PAUTHIER theo nghĩa của Trình Chu, nên dịch không khỏi có một đôi chỗ thiên về nghĩa duy-tâm. Song còn về đại-thể thì ông dịch có nhiều chỗ « nổi » và sáng nghĩa lắm. Tức như câu đã dẫn ở phần nói về sách *Luận-ngữ* trên ấy. G. PAUTHIER tiên-sinh thật có tài phiên-dịch.

Tứ-thư là sách cổ, cổ đến hơn hai nghìn năm nay. Trong sách, văn-lý vắn-tắt mà uyên-vi, chữ Tàu lại không đủ luật mẹo, kẻ sơ-học đọc thực khốn nạn. Thế mà bộ sách *Tứ-thư* dịch chữ Pháp của ông G. PAUTHIER, văn-lý lại càng rõ-ràng dễ đọc lắm. Thế mới biết văn-tự nước Pháp thực là hay, hay ở chỗ rõ-ràng.

Tuy nhiên, ông G. PAUTHIER gọi là « đạo Khổng » là ông chỉ lấy toàn ở bộ *Tứ-thư* mà thôi. Ý giả ông sợ bộ *Ngũ-kinh* 五經 là những sách quá xưa, hoặc có nhiều chỗ sai-suyễn chăng. Nhưng cứ nhiều chứng tá khác thì ba bộ kinh: *Dịch*, *Lễ* và *Xuân-thu* đều có thủ-bút hoặc lời nói của Khổng-tử còn sót ở trong. Ở trong kinh *Dịch* thì giảng về nghĩa triết-lý hiện-thực của vũ-trụ đối với nhân-sinh, ở trong kinh *Lễ* thì nói về nghĩa xã-hội; ở *Xuân-thu* thì sáng-lập và thực-hành ra cái phương-pháp làm *sử*. Nếu rồi ta phân-tích mà rút được những cái chân-thực của Khổng-tử ở trong ba *kinh* ấy ra, thì có lẽ khoa Khổng-học hay là đạo Khổng còn hoàn-toàn bao-quát hơn, đối với cõi học mới ngày nay không thẹn gì vậy.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

NƯỚC THỔ-NHĨ-KỲ MỚI (1)

Thưa các ngài,

Cách đây mấy năm, tôi đã được cái hân-hạnh nói chuyện ở hội ta hai lần về dân-tộc và lịch-sử Nhật-bản. Mục-đích hai cuộc nói chuyện ấy là muốn cùng với các ngài xét xem vì lẽ gì mà một dân-tộc đối với ta trước kia cùng một cảnh-ngộ, cùng chịu ảnh hưởng của văn-hóa Tàu, nay nghiễm-nhiên trở nên một nước hùng-cường ở cõi Viễn-đông và chiếm một cái địa-vị vẻ-vang ở trên thế-giới.

Nay tôi lại được cái hân-hạnh đến đây nói chuyện về một dân-tộc ở phía tây châu Á, tuy đối với ta không có mối liên lạc đồng-văn đồng-chủng, nhưng đã treo cho ta một cái gương nghị-lực phi-thường, làm cho một nước đã suy-đồi và bị ngoại-địch xâm-chiếm gần hết lãnh-thổ thế mà đang nguy thành yên, đang suy hóa thịnh, làm cho thế giới phải ngạc-nhiên, và kinh phục. Dân-tộc ấy là dân-tộc Thổ, và đã gây dựng nên nước Thổ-nhĩ-kỳ mới từ hồi sau cuộc đại-chiến vừa rồi.

Nhưng trước khi nói về nước Thổ mới, tưởng ta cũng nên biết qua về nước Thổ cũ, để càng rõ cái công-cuộc cải-tạo của người Thổ trong vòng hai chục năm nay.

I.— Nước Thổ-nhĩ-kỳ cũ

(Từ lúc sáng-lập đến hồi cực-thịnh)

a) *Từ thế-kỷ 19 về trước, nước Thổ là một cường-quốc, không những thế-lực còn mạnh mà lãnh thổ cũng hãy còn rộng, vì tràn sang khắp cả ba châu Âu, Á và Phi. Ở châu Âu thì gần khắp bán-đảo Ba-nhĩ-cản* (Balkans) *ở dưới quyền cai-trị của Thổ-hoàng, và kinh-thành Quân-sĩ-đản-đinh* (Constantinople) *ở trên eo biển* Bosphore *là thuộc về địa-phận Âu-châu. Ở Á-châu thì cả vùng Tiểu-á-tế-á* (Asie Mineure) *cùng một phần bãi sa-mạc A-lạp-bá* (Arabie), *phía bắc giáp Hắc-hải, phía đông sang đến vịnh Ba-tư và phía tây giáp Địa-trung-hải và Hồng-hải. Hiện nay thủ-phủ Thổ-nhĩ-kỳ là tỉnh* Angora, *thuộc về địa-phận Á-châu. Còn ở Phi-châu thì có xứ* Tripolitaine (*nay thuộc Ý*) *và xứ Ai-cập là một nước chư-hầu thuộc dưới quyền vua Thổ, nhưng sau bị người Anh chiếm đoạt cai-trị thì cái chủ-quyền nước Thổ chỉ có danh mà không có thực.*

b) *Cái nước Thổ to lớn ấy, lúc đầu chỉ là một nước nhỏ ở Tiểu-á-tế-á và do một dân-tộc thuộc giống Mông-cổ, ở các cao-nguyên Trung-á tràn sang phía tây, đã sáng-lập nên từ thế-kỷ thứ 11. Khi người Thổ mới tràn đến miền Tiểu-á-tế-á thì còn ở từng bộ-lạc, đi xâm-chiếm những nơi khí-hậu mát mẻ và thổ-địa phì-nhiêu, rồi dần-dần đồng-hóa với các thổ-dân ở miền ấy, và theo tôn-giáo của họ là đạo Hồi, là một đạo phản-đối với đạo Gia-tô, đã gây nên những trận gọi là « trận Thập-tự »* (Croisades) *trong gần ba thế-kỷ.*

c) *Chính vì có một nước Thổ ở Tiểu-á-tế-á mà những toán quân Thập-tự*

(1) *Bài diễn-thuyết đọc tại hội Tri-tri Hà-nội ngày 30 Août 1934.*

39

đã gặp nhiều nỗi khó-khăn nguy-hiểm khi chực kéo sang chiếm lấy thành Jérusalem, vì người Thổ đã chiếm-cứ được nơi hiểm-yếu lại chống-cự một cách hăng-hái, làm cho mấy đạo quân Thập-tự tổn-hại rất nhiều, mà vẫn không đạt được mục-đích. Nước Thổ ấy một ngày một mở-mang cương-giới và có một thời-kỳ cường-thịnh, chống nhau cả với Hi-lạp là một nước giàu mạnh nhất ở Đông-Âu khi xưa. Nhưng đến giữa thế-kỷ thứ 13, thì bị người Mông-cổ tràn sang xâm chiếm, người Thổ không chống-cự nổi, phải chịu thần-phục, và mất chủ-quyền trong ngót một thế-kỷ. Trong hồi đó vua Thổ không còn chút quyền-thế gì, chỉ đóng vai bù-nhìn chịu mệnh-lệnh của chúa Mông-cổ thôi

d) Sang đầu thế-kỷ 14, phần vì không lo cái nạn Thập-tự-quân kéo sang xâm-chiếm, phần vì thế-lực người Mông-cổ đã suy yếu dần-dần, nên người Thổ lại nổi lên mà lấy lại quyền cai-trị. Trước còn chiếm-cứ lấy các địa-hạt ở mạn cao-nguyên hiểm-trở, sau thế-lực một ngày một mạnh, họ kéo xuống miền bờ bể, chiếm lấy những tỉnh giàu có trước đây là thuộc-địa của Hi-lạp. Bấy giờ nước Thổ đã có cái vẻ là một đế-quốc đang vào một thời-kỳ cường-thịnh, nên người Thổ đã có ý mở-mang bờ cõi sang địa-phận châu Âu.

e) Cái chí bá-đồ ấy người Thổ nhờ có binh-lực hùng-cường và thừa-cơ các nước Đông-Âu gặp hồi sa-sút, nên đem thực-hành ngay. Tuy họ gặp nhiều cái trở-lực gớm ghê, mà họ cũng không nản lòng ngã chí, nên về cuối thế-kỷ 14, họ kéo quân vượt qua eo bể Dardanelles, chiếm lấy mấy thành ở trên bờ biển Marmara, cái thế-lực của họ vì đó mà từ châu Á đã tràn sang châu Âu rồi vậy. Thế là cái mộng của ông Giáo-tổ đạo Hồi, muốn dùng quân-lực đem thánh-kinh Coran truyền-bá cả sang Âu-châu, cái mộng nuôi đã sáu trăm năm, ngày nay mới bắt đầu thành sự thực. Lấy được mấy tỉnh ở bờ bể Marmara, người Thổ chưa cho là mãn-nguyện, cái mục-đích của họ là chiếm được thành Constantinople và lần-lần đem cả bán-đảo Balkans để dưới quyền kiểm-trị của mình.

f) Nhưng thành Constantinople đã bao nhiêu thế-kỷ nay làm thủ-đô cho Đông-đế-quốc La-mã, không dễ mà lấy ngay được. Vì thế nên trước khi nghĩ cách lấy thành ấy, quân Thổ thừa thế kéo tràn sang phía tây, chinh-phục các xứ ở dưới quyền người Hung, người Lỗ, người Bảo và người Serbie. Các dân-tộc này tuy chống-cự hăng-hái, nhưng sau thế cùng lực tận phải chịu xưng thần cùng Thổ-hoàng, rồi bị người Thổ trực-tiếp cai-trị trong hơn 400 năm. Sau khi đã chiếm được ba nước Roumanie, Bulgarie, Serbie, sau khi đã đại-thắng một đạo quân Âu-châu trong trận Nicopolis (1396), người Thổ một mặt thì đem quân xâm-lấn nước Hung và nước Áo, một mặt thì kéo xuống phía nam để chiếm lấy Hi-lạp, cái thế-lực quân Thổ khi ấy như ngọn trào ngoài khơi, không có gì ngăn cản được nữa.

Nhưng cũng may cho Âu-châu, sang đầu thế-kỷ 15, có chúa Mông-cổ là Timour-Khan, muốn gây lại cái cơ-nghiệp của Gengis-Khan đời trước, kéo quân từ Trung-Á đi chinh-phục các nước ở phía tây và phía nam. Sau khi đã lấy được gần cả châu Á, (trừ Trung-quốc và các nước ở phương Đông), quân Mông-cổ kéo tràn sang Tiểu-á-tế-á, xung-đột cùng người Thổ và làm cho nước Thổ hồi bấy giờ phải một phen tan-nát.

Các nước Âu-châu thấy nước Thổ bị quân Mông-cổ chiếm-đoạt tàn-phá

như thế đã chắc rằng từ đây thoát cái nạn người Thổ, có ngờ đâu cái sức bành-trướng của người Thổ chỉ bị quân Mông-cổ ngăn giữ lại trong khoảng 25 năm thôi. Vì sau cơn phong-ba Mông-cổ, người Thổ lại khôi-phục được giang-sơn cũ, lại đem quân đi chinh-phục các xứ bên Âu, lại một phen bán-đảo Balkans *thành một chỗ chiến-trường cho hai giống người và hai tôn-giáo thi tài dọ sức. Cái kết-quả là người Thổ lại chiếm được cả bán-đảo* Balkans *cho đến sông* Danube, *và đến năm 1453, sau khi vây đánh ngót hai tháng trời, người Thổ hạ được thành* Constantinople, *mà dựng làm thủ-đô cho mãi đến sau cuộc Âu-chiến vừa rồi.*

g) *Cái ngày người Thổ chiếm được thành* Constantinople *là bắt đầu một kỷ-nguyên mới. Đối với lịch-sử Âu-châu thì đến năm ấy là hết cái thời-đại Trung-cổ* (Moyen-Âge), *mà đối với lịch-sử Thổ-nhĩ-kỳ thì ngày ấy là ngày dân Thổ đến cái thời-kỳ cực-thịnh vậy. Từ thế-kỷ 15 cho đến hết thế-kỷ 18, nước Thổ nghiễm-nhiên là một đại-cường-quốc trên thế-giới, thế-lực người Thổ lan khắp cả ba châu Âu, Á, và Phi (1), làm cho các nước Âu-châu cũng phải kiêng-nể, tìm cách cầu thân để kết làm đồng-minh mỗi khi có cuộc tranh quyền cướp lợi. Như hai nước Pháp và Anh, thỉnh-thoảng lại ký điều-ước đồng-minh với nước Thổ, không phải là họ ưa gì người Thổ, chính bản-tâm họ cũng muốn tống người Thổ ra khỏi Âu-châu, nhưng vì nước Thổ hùng-cường nên họ muốn lợi-dụng để làm tăng thế-lực của họ lên. Thực ra thì đối với tất cả các dân-tộc châu Âu, người Thổ còn ở đó ngày nào thì còn là một cái gai ở trước mắt họ ngày ấy, nên họ cần ngấm-ngầm tìm cách khu-trục kẻ thù khác giống nòi, khác tôn-giáo ấy đi, nhất là hai nước Nga, Áo là những nước quyền-lợi thường xung-đột với Thổ luôn.*

II.— Nước Thổ-nhĩ-kỳ trước cuộc Âu-chiến

a) *Hơn 400 năm hùng-cứ một phương, dân Thổ được hưởng một thời-kỳ cực-thịnh. Nhưng theo lẽ tuần-hoàn, hết thịnh tới suy, nên đến thế-kỷ 19 nước Thổ đã bắt đầu bước sang cái thời-kỳ hèn yếu, ngoài thì bị địch-lân thường-thường xâm-lấn, trong thì bị những cuộc nội-loạn làm cho bối-rối lung-tung. Cuộc suy-yếu kể ra có nhiều lẽ, nhưng có hai cái nguyên-nhân cốt-tử là : 1) Những dân ở dưới quyền vua Thổ không phải chỉ là một giống, mà có nhiều giống khác nhau, khác tôn-giáo, khác ngôn-ngữ, khác phong-tục, lẽ tất-nhiên là khó lòng cùng nhau hợp-tác được. Gia-dĩ một phần đông những dân ấy trước kia vẫn được độc-lập, nên khi chịu ở dưới quyền cai-trị của Thổ-hoàng vẫn ngày đêm lo mưu định kế để lấy lại quyền tự-chủ của mình, lúc nào cũng có cái hi-vọng thoát-ly được cái bàn tay sắt của người Thổ, nhất là lại có một vài nước ngoài ám-trợ nữa. 2) Cái quyền của Thổ-hoàng bấy giờ cũng như cái quyền của phần nhiều vua chúa nước khác, là một cái quyền tuyệt-đối, cái quyền độc-đoán ; những khi có bậc minh-quân hiền-chủ, thì có hay có lợi cho dân, nhưng gặp phải những bạo-chúa hôn-quân thì dân-sự thật là điêu đứng, nỗi khổ không sao nói xiết, làm cho họ nổi lòng công-phẫn mà khởi-loạn chống lại với Triều-đình. Vua đối với dân thành ra có ác-cảm mà không muốn đồng-lao cộng-tác cùng nhau nữa. Chỉ vì sang thế-kỷ 19,*

(1) *Vì sang đầu thế-kỷ 16, người Thổ lấy được Ai-cập và Tripolitaine ở Phi-châu.*

nước Thổ phải ở dưới quyền áp-chế của mấy ông vua không nghĩ gì đến nước đến dân, chỉ biết vui-thú ở trong cung với hàng trăm nghìn mĩ-nữ, nên trong nước mới không được thái-bình mà ngoài cõi mới thường bị xâm-lấn, đến nỗi giang-sơn của người xưa để lại một ngày một hao-hụt mãi đi!

b) *Chỉ vì một đàng thì nước Thổ muốn dùng vũ-lực để áp-chế các dân-tộc ở đảo* Balkans, *một đàng thì các dân-tộc này hết sức vùng-vẫy để lấy lại quyền tự-chủ, mà thành ra một cái vấn-đề rất quan-hệ cho Âu-châu về thế kỷ 19, mãi đến đầu thế-kỷ 20 mới gọi là tạm giải-quyết xong. Vấn-đề ấy thường gọi là « vấn-đề Đông-phương »* (Question d'Orient) *hoặc là « vấn-đề Cận-đông », mà ta không nên lẫn với vấn-đề Viễn-đông* (Question d'Extrême-Orient) *mà ngày nay cũng vẫn chưa giải-quyết được.*

Trong các dân-tộc phải ở dưới quyền áp-chế người Thổ thì có người Serbie, *người Hi-lạp, người Lổ-mã-ni, và người Bảo. Nhưng từ đầu thế-kỷ 19, các dân-tộc ấy lần-lượt nổi lên phản-đối chống-cự lại người Thổ, trước còn đòi lấy quyền tự-trị và nhận là thuộc-quốc của Thổ, nhưng đến cuối thế-kỷ 19 và đầu thế-kỷ 20 thì lập thành những nước hoàn-toàn độc-lập, thoát-ly hẳn quyền kiểm-sát của Thổ-nhĩ-kỳ. Lẽ tất-nhiên là các cường-quốc Âu-châu bấy giờ giúp đỡ các dân-tộc ở* Balkans *để chiếm lấy ít nhiều quyền lợi, nhất là hai nước Áo và Nga, vì Áo thì mong mở-mang bờ cõi về phía bán-đảo* Balkans, *mà Nga thì có cái hi-vọng lấy thành* Constantinople *và hai eo bể* Bosphore *và* Dardanelles *để lấy đường cho thủy-quân Hắc-hải thông ra được Địa-trung-hải.*

Trong khi Thổ-nhĩ-kỳ bị rắc-rối vì những cuộc nổi-loạn của các dân ở bán-đảo Balkans *thì xứ Ai-cập từ trước vẫn là một thuộc-quốc của Thổ cũng nổi lên đòi quyền tự-trị, rồi thoát-ly nước Thổ cho đến khi vào tay người Anh bảo-hộ,*

Rồi sang đầu thế-kỷ 20, lại bị nước Ý lấy mất xứ Tripolitaine, *thành ra nước Thổ không còn thuộc địa nào ở châu Phi nữa.*

c) *Thế là cái đế-quốc Thổ-nhĩ-kỳ trước kia lan cả ba châu to rộng ngần nào, mà sang đầu thế-kỷ 20 lãnh-thổ chỉ còn lại xứ Tiểu-á-tế-á và một phần nhỏ ở phía đông bán-đảo* Balkans *thôi. Nước Thổ suy-yếu, không những bị mất đất-đai, lại còn bị các nước ngoài chế diễu mà gọi là « người ốm » nữa.*

Mà nước Thổ bị suy-yếu như vậy, không những vì các dân-tộc khác giống ghen ghét gây nên, lại còn vì cái cách tổ-chức ở bên trong có nhiều khuyết-điểm. Thổ-hoàng một mình giữ hai quyền tuyệt-đối: một là quyền tôn-giáo, vì những dân theo đạo Hồi đều coi Thổ-hoàng như là vị giáo-chủ thay mặt đức Allah *để coi-sóc các tín-đồ,— hai là quyền chính-trị, Thổ-hoàng là một vị quân-chủ chuyên-chế, đối với của-cải cùng sinh mệnh của dân đều có quyền định-đoạt theo ý, không có gì ngăn giữ cản-trở cả. Cái quyền chuyên-chế ấy Thổ-hoàng lại ủy cho các quan, từ quan Tể-tướng ở chốn triều-đình cho đến các quan cai-trị các xứ các tỉnh, nên thường có lắm sự lạm-quyền vượt phép, ức-hiếp dân đen, lại thêm thuế-má nặng-nề khiến cho lòng dân ta-oán, mà sinh ra những cuộc cách-mệnh sau này.— Trước kia binh-gia Thổ đã nổi tiếng là một đạo-binh hùng-cường nhất, nên đã giúp cho dân-tộc Thổ dựng được một đế-quốc đứng vững trong bốn năm thế-kỷ, nhưng ngày nay vì tổ-chức vụng-về, không người tài giỏi chỉ-huy, nên chỉ còn là một đám quân*

ô-hợp, không có khí-giới tinh-xảo, không chịu cải-cách theo các phương-pháp mới, nên chống-cự sao lại các binh-gia cường-quốc Âu-châu, làm chi mà chẳng bị thua liểng-xiểng!

d) Trong khi vua quan nước Thổ chỉ biết bo-bo giữ lấy cái danh-vị hão-huyền cùng những quyền-lợi ích-kỷ, mặc cho nước ngoài khinh-khi, mặc cho dân đen lam-lũ, thì trong nước có một bọn học-thức, am-hiểu thời-thế, biết rằng nếu tình-thế không thay đổi thì không kịp thì chẳng nước Thổ tất bị các cường-quốc Âu-châu chia xẻ như nước Phó-lan-nhã xưa kia thôi. Vì thế nên họ mới lập thành một đảng gọi là đảng « Tân Thổ » (Jeune Turc). Mục-đích là trong thì làm cho mất quyền chuyên chế của nhà vua ngoài thì giữ cho ngoại-quốc không can-thiệp đến nội-tình nước Thổ. Đảng ấy được một phần đông đám quân-nhân tán-trợ, nên đến năm 1908 thì nổi lên tuyên-bố Hiến-pháp. Thổ-hoàng thấy đảng Tân-Thổ có thế-lực nên miễn-cưỡng hạ chỉ thi-hành hiến-pháp, và trong chính-phủ có các người thuộc đảng mới dự vào. Nhưng năm sau Thổ-hoàng âm-mưu cùng bọn cựu-thần để lấy lại quyền chuyên-chế, song việc không thành, bị phế, và nước Thổ từ bấy giờ thành ra một nước quân-chủ lập-hiến, mà cái chính-thể đại-nghị đã thay hẳn cái chính-thể độc-tài vậy.

e) Sau cuộc cách-mệnh Tân-Thổ, tưởng rằng dân-tộc Thổ-nhĩ-kỳ từ nay đã thoát khỏi cái ách chuyên-chế của bọn tham-quan bạo chúa, và sẽ được hưởng nhiều quyền như dân các cường-quốc Âu-châu, nào ngờ trong đám quan lại thuộc đảng Tân-Thổ, người hay thì ít, kẻ dở thì nhiều, đã vì quá hám kim-tiền mà quên cả nghĩa-vụ đối với dân với nước. Các nước ngoài thấy thế mới thi-hành cái chính-sách dùng « Bò-vàng » để lợi-dụng bọn quan-liêu Thổ, bỏ rất nhiều tiền để dùng bọn này làm tay sai, giúp cho các công cuộc hoặc về chính-trị hoặc về kinh-tế của mình ở ngay trong nước. Vì thế nên chính-phủ Thổ khi thì có ý thân Anh, khi thì có ý thân Pháp, nhưng đến hồi Âu-chiến thì vì nước Đức vừa khôn-khéo vừa nhiều tiền, nên chính-phủ Thổ thành ra thân Đức mà vào bè cùng Đức-Áo để chống lại Pháp, Nga, Anh. Tưởng rằng sau cuộc chiến-tranh, nếu Đức mà thắng thì thế nào Thổ chẳng lấy lại được Ai-cập đã vào tay Anh, và một phần bán-đảo Balkans nữa

f) Nào ngờ đâu cái kết-cục của trận Âu-chiến là Pháp cùng đồng-minh đại-thắng, mà Đức, Áo, Thổ, bị đè bẹp sau bốn năm tranh-đấu. Lẽ tất-nhiên là nước Thổ cũng như Đức, Áo, phải mất đất, phải bồi-thường cho các nước thắng trận. Thế là nước Thổ trước kia đã bị thu hẹp, đã mất một phần lớn địa-hạt ở Âu-châu, nay vì bại trận mà lãnh-thổ ở Á-châu cũng không còn nguyên-vẹn nữa. Những xứ thổ-địa phì-nhiêu, hoặc những nơi có nhiều mỏ, bị các nước chia nhau chiếm-đoạt mất cả (Syrie Irak Palestine). Rồi giận đồ bìm leo, nước Hi-lạp thấy nước Thổ suy-yếu, mới thừa cơ đem quân sang đánh để chiếm lấy miền bờ bể phía tây Tiểu-á-tế-á, là nơi có nhiều hải-cảng tốt và việc buôn bán phồn-thịnh. Được nước Anh trợ lực, quân Hi-lạp đánh đuổi quân Thổ mãi vào trong cõi, thật là tình-thế nước Thổ bấy giờ như trứng để đầu đẳng, cái cơ tan nát đã thấy đến nơi! May sao bấy giờ có một vị cứu-quốc anh-hùng xuất đầu lộ diện, cầm quân chống-cự với Hi-lạp, thắng luôn mấy trận, khiến cho cục-diện lại xoay, thành ra mới có nước Thổ ngày nay vậy.

(Còn-nữa)

NGUYỄN VĂN-HIẾU

HOÀI-CẢM (1)

(Tập hồi-ức-lục của Đông-Hồ)

■

II

Làng báo trẻ con
2

Văn phi-lộ thì như bài « Lời kính-cáo độc-giả » sau này của báo Ngòi-bút *đăng ở số đầu ra ngày 3-5-1929 :*

« Báo Ngòi-bút *ra đời là mới mà người viết nó vẫn là cũ, là người đã từng quen với độc-giả trước rồi. Tôi trước làm chủ-nhiệm, cũng có viết ít bài cho báo* Học-trò, *từ năm ngoái. Nhân vì báo chữ viết thì dầu cho có nhiều người làm một tờ cũng chẳng có ích là bao nhiêu, lại cũng vì lẽ ai nấy phải đóng riêng ra nên tôi xin với ông chủ-bút Võ Quang-Lượng biệt-hiệu là Tiểu-Gia-Cát cho tôi nghỉ. Xin nói trước rằng tôi với ông Võ không phải có điều gì mếch lòng nhau cả. Lại cũng có nhiều việc tôi đã lỡ làm thì trách-nhiệm tôi phải chịu chớ tôi không muốn cho ông Võ và báo* Học-trò *liên-can. Vì bao nhiêu lẽ ấy mà báo* Ngòi-bút *ra đời.*

Nay xin nói mục-đích báo. Bản-báo xuất-bản, mục-đích thứ nhất là muốn tập-luyện văn Quốc-ngữ cho mình và cho các bạn đồng-học. Vậy anh em, chị em ai có bài văn nào hay xin gửi đến, coi được, bản-báo rất hoan-nghênh, đăng lên để học lẫn nhau. Bởi thế, báo rất chăm lo về mục Luận quốc-văn, còn các mục khác là phụ thêm mà thôi. Không dám chắc trước với các bạn rằng : « Ngòi-bút » của bản-báo là « Ngòi-bút » tốt, nhưng may ra cái « Ngòi-bút » kia không đến nỗi xấu lắm, để viết nên những câu văn bằng Nam-ngữ là tiếng nói của giống-nòi ta, có lý-thú, có ý-vị để được vui lòng độc-giả. Nếu không lý thú, không ý-vị thì xin độc-giả lượng cho, vì « Ngòi-bút » của bản-báo là « Ngòi-bút » sơ-đẳng hãy còn trẻ con non-nớt lắm.

Theo đòi cũng thể bút nghiên,
Thua anh kém chị cũng nên hổ mình.

« Bản-báo xin bắt chước như câu ca-dao ấy ».

« Ng.-B. »

« Lời nói thêm.— Cũng có khi phải công-kích cãi-cọ với các bạn đồng-nghiệp là một sự cực chẳng đã nói động đến danh-giá tôi, thì tôi phải trả lời mà thôi, chứ tôi có muốn ngây-ngà lôi-thôi làm gì đâu, cho độc-giả chán tai bởi những tiếng mắng-mỏ nhau.

« Sau cùng, tôi xin cám ơn ông Võ Quang-Lượng, chủ-bút báo Học-trò *đã cho tôi mượn mấy cột báo mà quảng-cáo trước cho độc-giả, lại vui lòng giới-thiệu báo Ngòi-bút vừa rồi một cách thành-thiệt. »*

« L. V. A. »

■

Văn kỹ-thuật kiểm phê bình thì như bài « Cuộc chấm thi Luận-văn » sau này của báo Nữ-nhi Tri-đức *đăng ngày 3-5-1929.*

---

(1) *Xem Nam-Phong từ số 197.*

« Hôm thứ tư, 1er 5-1929 có đầu bài thi luận-văn « nói về sự ích-lợi của cuộc thi Sơ-học yếu lược ». Cả thảy là 23 bài. Thầy đã chấm rồi, tuyển lấy được 5 bài hơn cả. Các nhà báo hôm qua đã đi lấy tin ở gác Nam-Phong, và nghe lời phê của thầy thì bài của ông Đỗ Văn-Tư chủ nhiệm kiêm chủ-bút báo Quốc-âm, được giải nhất, ba bài của ông Đường Ngọc-Thạch chủ nhiệm kiêm chủ-bút báo Sơ-đẳng của ông Nguyễn Thành-Ứt, trợ-bút báo Sơ-học, của cô Nguyễn Thanh-San tức Tự-do-hoa-nữ bản-báo chủ-bút được giải nhì, còn một bài nữa của ông Nguyễn Văn-Nhân, phóng-viên của báo Học-trò được giải ba. Thầy phê rằng : Bài của ông Đỗ lời văn dồi-dào, ý-tứ đầy đủ ; bài của ông Đường ý thì đủ mà lời văn còn thiếu, diễn không được sáng-sủa ; bài của cô Tự-do hoa thì hơi ra đầu bài mà lời văn vừa êm ái vừa rộng-rãi lại được cái giọng mới-mẻ hoạt-động, bay-bướm ; bài của ông Nguyễn lời gọn mà mau, còn bài của ông Nhân có ý mới lạ, nhưng tiếc vì lời văn còn kém, không được sáng nghĩa.

« Kỳ này bản-báo đăng trước 2 bài đầu, còn thì sẽ đăng dần ở các số sau ».

■

Văn cổ-động thì như bài « Học chữ Hán » sau này của báo Học-trò gái :

« Trường Hà-tiên ta mới đây có dạy chữ Hán từ lớp đồng ấu (lớp chót) đến lớp trung-đẳng (lớp nhì). Khi nào mình viết ngòi sắt cứng-cáp, viết hàng ngang, mà bây giờ lại viết ngòi mềm yếu, viết hàng dọc, ngợ-ngượng lắm. Cách cầm viết lại cũng rất khó-khăn, viết ra nét chữ ngòng-ngoèo lem-luốt cả. Ai nấy bị khẻ tay liên-miên. Nhưng « có công mài sắt » (tưởng nói : « có công mài mực » thì phải hơn) anh em, chị em ơi ! đừng nản chí, rồi dần dần cũng sẽ quen thì chúng ta sẽ thấy dễ-dàng, cũng thảo bay trên mặt giấy, như chúng ta cầm bút sắt bây giờ vậy. Chẳng những là cầm viết dễ-dàng mà thôi ; nếu mình chăm học thì sẽ đọc được các sách Nho, chắc là thú-vị nhiều lắm. Vì chúng ta đã từng thấy các cụ Nho cầm cuộn quyển sách, đeo nhỡn-kính mà ngâm đọc những thơ xưa êm-đềm vui-thú lắm, chắc trong thơ ấy có nhiều nghĩa-lý thâm-trầm mà mình chẳng biết đâu.

« Muốn biết cái vui thú ấy thế nào thì hãy đừng sợ lúc khó ban đầu, mới bắt đầu học chữ Hán này. »

■

Văn luận-thuyết mà có giọng kẻ cả của lối văn đại-cà-sa thì như bài « Tư-cách nhà báo » sau này đăng ở báo Sơ-học :

« Làm báo là một cái trách-nhiệm lớn của con nhà học-trò.

« Nhà làm báo thì lấy văn-chương tao-nhã làm trước, không ai cố ý để mà công-kích phản-đối nhau bao giờ. Các bạn ra làm báo chắc ai cũng biết hết rồi. Vì muốn có ích cho sự học của mình và của bạn mới ra làm báo. Luyện-tập Quốc-ngữ, sửa-sang tính nết, cho nên người có tư cách là mục-đích của nhà báo. Báo ra càng nhiều thì càng có ích cho văn-chương Quốc-ngữ. Nhưng đã có nhiều, tất cũng có chuyện không bằng lòng nhau mà công-kích phản-đối nhau. Trong khi phản-đối, ai có ý riêng nấy, chưa ai chịu cho ai là phải, thì lời này tiếng nọ cãi nhau hăng lắm.

« Hoặc nói thẳng, hoặc nói ra lời « văn cười, văn chơi », nhưng dầu hăng thế nào, cười thế nào, cũng là vì cái chuyện muốn nói đó mà thôi, chứ không phải vì thù hằn nhau. Cãi nhau là để coi lẽ phải về ai, thì sau này mới

biết, chứ không phải muốn nói « tôi cãi hơn anh là tôi giỏi hơn anh » mà cãi đâu. Như thế nên bản-báo xin có lời kính-cáo trước cùng các bạn đồng-nghiệp nếu có phải cãi nhau thế nào nữa cũng đừng giận ghét, thù hằn nhau. Trong tờ báo thì có ý riêng khác nhau, chứ ngoài tờ báo cũng vẫn là bạn học một trường, một lớp cả. Các bạn đồng nghiệp, đừng có vì lời công-kích, cãi nhau trên tờ báo mà ghét lẫn nhau, đến làm mất cái tình hòa-thuận thương yêu của bạn đồng học. Các bạn đồng-nghiệp ai cũng nghĩ cho như thế, thì mới phải cái tư-cách của nhà báo mà làm báo như thế mới có ích. Nếu không, văn-chương hay đâu chẳng thấy, lý lẽ phải đâu không thấy, mà sau một cuộc bút-chiến, chỉ thấy những thù hằn oán giận nhau mà thôi.

■

Văn phê-bình nhân vật thì như bài « lời bàn về họ Mạc » sau này đăng ở báo Quốc-âm :

« Họ Mạc lập ra trấn Hà-tiên, công khó biết bao, đã từng chiến-đấu với mũi tên hòn đạn, liều mình chiếm giữ nước nhà. Ông Mạc Cửu vì dân vì nước mà phải trải bao lần chống chọi cùng cường-tân, khốn nguy không quản mà bờ cõi mới có ngày rày. Ông Thiên-Tích nối giữ ngôi cha, cũng vì một lòng một chí ấy, kết-quả đến nuốt vàng mà tuẫn-tiết ở nước Xiêm ; một tấc lòng vàng cao thượng mà tươi sáng lắm thay! Vì điều trung nghĩa danh-tiết mà xả-thân thì chẳng là đáng nên tôn-kính là dường nào. Họ Mạc tuy là người Tàu nhưng họ ấy đã hết lòng vì dân vì nước ta, lịch-sử nước Nam, họ Mạc đã dự một tay tô-điểm, thì bất-cứ là người gì, ta cũng không sao không tôn-sùng kính-trọng.

« Than ôi! Họ Mạc khai-thác sửa-sang đất Hà-tiên cốt để dung thân vạn đại, mà tiếc thay, chỉ được ấm no đến con cháu bảy đời thì cái hi-vọng, cái chí-nguyện của cổ-nhân thực chưa đạt được vậy. Nhưng mà thôi! Cuộc đời đổi đổi, chuyện biển dâu thương tiếc nữa mà chi, chúng ta nay chỉ nên cảm nhớ cái công họ Mạc đã khai-hóa bảo-hộ cho tiên-dân ta trong cơn li-loạn, và cái ơn mở-mang sông núi, mà tấc đất ngọn rau, ngày nay ta mới được hưởng nhờ ».

■

Lại còn vàn « khúc tiêu sầu » nữa. Này bài « vào hè » của chàng Tiêu *báo* Sơ-đẳng *cảm thổi lên trong lúc mùa hè :*

« Xuân qua hè lại, mát đi nóng đến, thời giờ như thể thoi đưa... Trời trưa nắng gắt, con ve sầu rả-rít bên tai, ngoài vườn, cuốc kêu khắc-khoải như tiếng thương tâm, bên cạnh nhà, trăm hoa hồng rữa, muôn cỏ xanh vàng, trên cành cây con chim giọng khoan giọng nhặt, thê-thảm vào nàng... Nằng sao nằng thế ai ơi!...»

■

Báo con trẻ há lại không có « vườn thơ » trẻ con! Này hai bài thơ vịnh « cảnh núi Tô-châu » của báo Sơ-học *và bài mừng báo mới của báo* Đồng-tâm :

I

Tô-châu cao chẳng bao nhiêu,
Mây xanh xinh đẹp trong đời cổ kim.
Tình tươi cũng bởi non Tô,
Năm năm truyền dấu, đời đời non xinh.

II

Chữ tốt văn hay, biết mấy mươi,
« Đồng tâm » này báo mới ra đời ;
Con đường tiến-thủ, con đường đó,
Vững bước mau chân bước tới chơi!

■

Tôi tiếc vì không thể đăng-tải hết những bài ở các báo con trẻ ấy, có nhiều bài thú-vị lắm, nhất là được cầm, thấy tờ báo ấy lại càng thú vị hơn nữa. Còn những bài văn công-kích nhau, chỉ-trích nhau, nói đùa nói bỡn nhau thì xin miễn lục, những bài ấy trong lúc nọ là lời con trẻ nói với nhau, nay thì ai nấy cũng trưởng-thành, sắp có địa-vị danh-giá ở xã-hội hết cả rồi, không nên giở ra. Duy còn một bài « các báo từ-giã » sau này của báo Sơ-đẳng, *thay lời bạn đồng-nghiệp truyền-cáo cho độc-giả, sao-lục ra là để ghi cái nguyên-nhân « tận thế » của báo-giới trẻ con và cũng để các viên biên-tập các báo trẻ con ấy từ-giã độc giả « Hoài-cảm » một thể :*

« Hôm qua bản-báo mới được tin rằng có lệnh quan Đốc-học trường ta cấm các báo hiện đang lưu-hành tại trường đây, không được xuất bản nữa. Thế là các nhà báo từ đây từ-giã các bạn độc-giả yêu qui rồi ! Khi lệnh quan Đốc-học truyền ra thì các nhà-báo đều chưa có chữ cả, duy có bản-báo sắp ra số này, đã lên khuôn được nửa tờ, vậy bản báo xin vì các bạn đồng-nghiệp viết lời từ giã, vì như tiếng con chim sắp chết, có cố gượng thu hết chút hơi tàn kêu lên một tiếng sau cùng, tiếng áo-não thê-thảm buồn rầu, tiếng kêu này dứt thì bẵn-bặt một hơi lặng-lẽ im-lim, nhắm mắt từ-giã cõi đời.

« Nguyên cớ-sự làm sao thế? — Nguyên các báo ở lớp chúng tôi xuất-bản báo từ trước là viết tay, ra một kỳ một đôi số để chuyền tay nhau đọc trong trường thôi. Đó là một phương luyện-tập quốc-văn chứ không hại gì đến trật-tự nhà trường. Hai tuần trước đây, các ông ở lớp cao đẳng vì muốn công-kích ông Lưu Văn-A, hiện chủ-nhiệm kiêm chủ-bút báo Ngòi-bút *nên xuất-bản báo* Đồng-tâm. *Báo không phải viết tay mà in xu-xoa (thạch) ra một kỳ nghe đâu năm sáu mươi tờ, bán cùng khắp các học trò, đến bán cả ra ngoài trường nữa. Bấy giờ tiếng động đến quan Đốc-học. Nghe chừng quan Đốc-học hay, thì báo* Đồng-tâm *ra số vừa rồi đăng một bài thơ tặng quan Đốc-học dụng ý làm gì không biết. Duy biết là khi quan Đốc-học thấy có tên mình in trên mặt báo, thì tức-khắc hạ lệnh cấm rất nghiêm. Vì thế mà họa lây đến hết thảy các nam nữ đồng-nghiệp. Báo nào báo nấy từ đây im hơi lặng tiếng cả. Các báo chúng tôi không xuất-bản được, thực chúng tôi không có bụng dám oán trách gì ai cả, mà chúng tôi thực tự lấy làm đau-đớn tủi buồn cho số-phận không may của nó, sinh không gặp thời-buổi may-mắn. Mình là người Nam mà không được thong-thả viết học chữ, tiếng Nam thì còn gì đau-đớn buồn tủi cho bằng. Nhưng các bạn ơi! miễn là chúng ta trong bụng còn biết tưởng nhớ yêu mến tiếng nói của nòi giống ta là được. Ngày nay chúng ta chưa viết được thì sau này, không biết là bao giờ, chúng ta tất cũng sẽ có ngày viết được. Ngày giờ hãy còn dài, chúng ta hãy còn trẻ, các tên báo yêu qui của chúng ta đó hãy còn có ngày sẽ sống lại với đời.*

« Chúng tôi không xuất-bản báo được, các độc giả không có báo đọc, chắc cảm-tưởng, thương-tâm đôi bên cũng như nhau, chúng tôi lựa là phải nói thêm gì nữa.

« Chúng tôi lại rất lấy làm cảm-động là khi vừa được nghe lệnh cấm các báo lưu-hành, thì các độc-giả xa gần đâu đó đều có thơ giấy gửi về chia buồn với chúng tôi, tỏ lời thương tiếc ngậm-ngùi... »

(Còn nữa)

ĐÔNG-HỒ

KHẢO VỀ LỊCH-SỬ CHIÊM-THÀNH (1)

■

II

Đến quốc-triều ta, mở-mang bờ-cõi, Chiêm-thành vẫn thần-phục, sau lại đem lòng bội-nghịch. Năm thứ 54 về triều Thái-tổ (1602), sai chủ-sự là Văn-Phong đem quân đến đánh, lấy được đất, đặt ra phủ Phú-an, nhân khiến ông Văn-Phong lưu-thủ.

Năm thứ 6 triều Hy-tôn (1629) Văn-Phong làm phản, vua sai Nguyên-Phước đánh dẹp được yên, mới lập ra dinh Trấn-biên. Năm thứ 5 triều Thái-tôn, Quốc-vương Bà-Tâm xâm-nhiễu Phú-an, vua sai tướng-tá đem một toán quân 3000 đến đánh, quân tiến qua núi Thạch-bi, thẳng vào thành nước Chiêm, nhân lúc ban đêm, dùng hỏa-công đánh phá rất dữ-dội. Bà-Tâm thua chạy, quân ta chiếm lấy đất đến sông Phan-rang, rồi định từ phía đông sông ấy, đặt ra phủ Thái-khương (nay là phủ Ninh-hòa) và phủ Diên-ninh (nay là phủ Diên-khánh), lại đặt thêm dinh Thái-khương (nay là tỉnh Khánh-hòa), phía nam sông ấy cứ nhưng cựu là đất Chiêm-thành và khiến phải tuân lệnh triều-cống.

Năm nguyên-niên triều Hiển-tôn (1691), Quốc-vương Bà-Tranh làm phản, nhóm quân, đắp lũy, cướp phá dân-cư ở phủ Diên-ninh, nhà vua sai ông Nguyễn Hữu-Cảnh làm Thống-binh đi đánh bắt Bà-Tranh và Kế-Bà-Tử, Bà-Ân-Tử đem về giam ở núi Ngọc-trản, cải quốc-hiệu làm trấn Thuận-thành (順城), rồi phân phái trấn-thủ những nơi Phố-hải, Phan-rí, Phan-rang để phòng-ngữ bọn dư đảng. Tháng 8 năm ấy lại cải trấn Thuận-thành làm phủ Bình-thuận, cho bọn Kế-Bà-Tử làm chức Khám-lý và Đề-đốc để giữ-gìn phủ ấy, lại bắt đổi y-phục theo tục ta, rồi cho về tự cai-quản dân. Trong năm ấy người Tàu tên Á-Ban hợp sức với người nước ấy mà làm loạn. Vua lại sai ông Nguyễn Hữu-Cảnh đem quân đến phá tan được giặc; Kế-Bà-Tử kêu cầu rằng từ hồi cải-cách đến giờ, người trong nước đói khát, đau ốm luôn.

Vua nghe nói rủ lòng thương xót, bèn cho như y tên cũ và phong Kế-Bà-Tử làm phiên-vương Thuận-thành, tự quản-trị lấy dân và hằng năm phải tuân lệ triều-cống; ngày trước quân ta đến đánh, thu được đồ vật gì và bắt cóc bọn người Chiêm, đều trả lại cả, lại cấp 30 tên quân để cùng sức bảo hộ cho.

Kế-Bà-Tử chết, về sau cai-cơ là Tá quản hạt trấn ấy.

Năm nhâm-dần (1722) Tây-sơn vào cướp phá, cai-cơ Tá lại đem cả quốc-bảo mà dầu hàng với giặc, đến năm mậu-thân (1728) đức Cao-hoàng ta khắc-phục Gia-định, tên Tá cứ lấy Mang-động, phục-tòng Tây-sơn mà chống-cự quân ta, đến hồi quân ta tiến lấy được Bình-thuận, con cố-phiên-vương là Nguyễn Tử-Chiêu đem quân

(1) *Xem Nam-Phong số 201-202.*

tùy tòng quan quân cùng đánh giặc, nhà vua cho ông Chiêu làm chưởng-cơ để quản hạt Phiên-liêu, Phiên-dân, lại dùng Nguyễn Hữu-Hào làm Thống-binh, sau Chiêu bị tội phải bãi-chức.

Năm quí-sửu (1793) quân ta tiến đánh Phan-ri, Nguyễn Hữu-Hào bắt tên Tá giết chết, bèn bỏ hẳn vương-hiệu Thuận-thành.

Năm giáp-dần (1794) dùng Nguyễn Hữu-Hào làm chánh-trấn Thuận-thành, cai-cơ Nguyễn Văn-Chấn làm phó-trấn-dinh, quản-trị Phiên-liêu và các man-sách, hằng năm thâu-nạp tô-thuế mà lệ-thuộc vào dinh Bình-thuận, sửa-sang điền-bộ Thuận-thành.

Năm bính-thìn (1796) bọn mọi thuộc về dinh ấy quấy rối, quân ta đánh đuổi đi, rồi nhà vua ban mệnh xuống để chiêu-tập man-dân lại như cũ. Không bao lâu bọn man-tù lại phản, vua sai quan quân đến đánh, bọn ấy thua chạy từ đó không dám bội-bạn nữa.

Năm kỷ-vị (1799) ông Nguyễn Hữu-Hào chết, vua dùng Nguyễn Hữu-Chấn làm trấn-thủ.

Năm thứ 6 triều Gia-long (1807) định ra quan-thuộc, quân-địch ở Thuận-thành, dùng Nguyễn Văn-Vĩnh làm phó-trấn.

Năm thứ 3 triều Minh-mệnh (1822) ông Nguyễn Văn-Chấn chết, dùng ông Nguyễn Văn-Vĩnh làm trấn-thủ, chế cấp quan-phòng (ấn) bằng đồng.

Năm thứ 4 (1823) man-phỉ đốt phá bảo Thị-linh, Nguyễn Văn-Vĩnh đuổi đánh bọn man-phỉ chạy, rồi tu-bổ đồn-bảo, canh-thủ rất nghiêm.

Nguyễn Văn-Vĩnh chết, dùng Nguyễn Văn-Thừa làm phó-trấn-thủ.

Năm thứ 13 (1833) do Phan-thiết tỉnh hạt đặt ra phủ Ninh-thuận, và hai huyện Tuy-định và Tuy-phong, ông Nguyễn Văn-Thừa cải thọ Quản-cơ thống-thuộc tỉnh Bình-thuận, nhưng cứ quản-suất man-sách để trưng-thu thuế lệ, còn nguyên-cấp quan-phòng thì tiêu-hủy đi.

Năm Minh-mệnh thứ 14 (1833) phong Nguyễn Văn-Thừa tước Diên-ân-bá, ở Kinh-sư cùng tỉnh Bình-thuận đều có lập miếu thờ vua Chiêm-thành.

Năm thứ 15 (1834) Nguyễn Văn-Thừa lại ám-thông với nghịch-đảng Phan-an để mưu làm loạn, việc bại-lộ ra, bị tội giết chết, từ đó giống Chiêm-thành mới tuyệt-diệt dần đi.

Tục người Chiêm-thành thường dùng vải che mình dài đến gót, bận áo chật hẹp, đầu tóc bối một ít, còn nửa để rủ xuống, vua cũng để đùm tóc, vận áo cát-bối (吉貝) đội mũ kim-hoa (金花) có tua rủ, ống chân để trần-truồng, có mang giầy bằng da, không bít-tất. Đàn-bà cũng để đùm tóc, nhưng không có trâm lược gì cả.

Vua ngày thường đến buổi trưa đúng ngọ, ngồi trên ỷ, quan thuộc đến yết-kiến, một lạy mà thôi, kính bạch việc gì xong lại làm lễ một lạy nữa mà lui. Vua thường đi chơi đến vài hôm mới về, khi nào đi xa thời cưỡi voi; khi sắp đi, bảo một người mang một mâm cau đi trước, theo hầu độ 10 người đều cầm cung tên và dao mác, dân trông thấy đều vái lạy mà chào.

Không có lịch, chỉ xem lúc mặt trăng mới sinh thì cho là đầu tháng, đến tuần không có trăng tức là cuối tháng; không có tháng nhuận, ngày đêm đều phân ra 15 khắc, chưa đúng ngọ thì ngủ chưa dậy, chưa đến nửa

đêm thì thức mãi không ngủ; trông thấy trăng lên, thì uống rượu, múa hát làm vui.

Không có bút giấy, dùng tre làm bút, dùng vôi làm mực, viết vào da dê, hình chữ như loài giun (trùn).

Đầu năm, người Chàm có tục dắt voi đi quanh thành rồi một chốc lại đuổi ra khỏi thành, thế gọi là đuổi ma quỉ.

Cứ đến tháng 4 cho trâu đánh với hổ để làm trò chơi. Hằng năm đến rằm tháng chạp nối cây làm tháp, vua cùng thần-dân dùng hương thơm đặt lên tháp để tế trời.

Tính người Chiêm ưa sạch-sẽ, mỗi ngày tắm ba bốn lần, dùng xạ-hương xoa mình, trầm-hương xông áo. Vua trị vì được 30 năm thì vào núi sâu, để cho con cháu anh em thay thế, rồi cáo với trời đất rằng: « Ta làm vua vô-đạo thì hổ lang ăn ta, hay sẽ mắc bệnh mà chết ». Ngoài một năm không việc gì thì trở lại làm vua như trước.

Trong nước có đầm Ngạc-ngư, nếu có hai người kiện nhau mà không giải-quyết được thì bắt hai người ấy cưỡi trâu đi xung-quanh đầm, người nào có tình gian thì cá liền nhảy lên ăn ngay.

Hình phạt cũng có gông, xiềng. Lỗi nhẹ, đánh đập bằng roi, tội lớn, lấy dây cột vào gốc cây mà giết chết. Tội giết người hay ăn cướp thì cho voi dây đạp; phạm gian thì cho dùng trâu chuộc tội.

Người dân nào vào núi bị hổ ăn hoặc xuống bể bị cá nuốt, thì vua sai người đọc chú và họa phù, tự-nhiên hổ và cá đều đem thân đến chịu tội.

Người Chiêm tính hung-hăng bạo-dạn. Ngày nay còn sót ở Bình-thuận gọi là Hời, ở phía nam gọi là Chàm, đều là di-chủng Chiêm-thành cả.

HẾT

H. C. T.

Dịch theo «Ngoại-quốc liệt-truyện»

ĐỜI SÚNG ĐẠN

Một truyện trinh-thám mạo-hiểm hồi Âu-chiến (1)

VI

Lệ-Ti và Mạch Hải nay đã ở trên một chiếc tàu vượt biển Đại-tây-dương. Mỗi người ở một phòng đối nhau, ở giữa là một lối đi nhỏ. Lệ-Ti xem ra Mạch-Hải chưa thật chừa được rượu, sợ rằng giữa đường xảy ra sự gì chăng, mới lừa mẹo lấy xích xích tay Mạch-Hải lại. Mạch-Hải đã bao nhiêu lần kêu xin, nhưng Lệ-Ti nhất-định không tha. Một hôm, vì bực-tức về nỗi mất tự-do, Mạch-Hải dường như phát cuồng lên, lấy cái xích ở tay đập vào tường gỗ ầm ầm, nhưng có ăn thua gì, vì xích bằng sắt rất là chắc-chắn. Lệ-Ti nghe tiếng đập phá vội-vàng chạy sang. Mạch-Hải trông thấy Lệ-Ti, bèn thất-vọng ngồi phịch xuống cái ghế. Lệ-Ti dịu-dàng nói :

— Chào ông Mạch Hải ! Ông như thường chứ ?

Mạch-Hải dằn-dỗi đáp :

— Như thường, nhưng mà khổ gấp mười đau ốm, cô có biết không ?

Lệ-Ti cười :

— Có, tôi có biết, tôi biết rằng ông ghét cái xích kia lắm.

— Cô đã biết thế sao cô không trả cái tự do lại cho tôi ?

Lệ-Ti lắc đầu :

— Tôi trói buộc ông chẳng qua là để gìn-giữ cho ông. Tôi cũng biết ông muốn bỏ cái xích kia ra lắm, nhưng tôi tiếc rằng chưa đến lúc bỏ.

Mạch-Hải nổi giận, gắt :

— Một nước văn-minh, không bao giờ giam trói người vô tội. Tôi tội gì mà cô lại xích tôi ?

Lệ-Ti cười :

— Ông hãy yên một chút, đừng làm ầm lên thế. Ông nên biết rằng bây giờ là quyền ở tôi, đừng giở pháp-luật ra làm gì. Nếu ông thật là người yêu nước thì ông hãy chịu khó nhẫn-nại một chút, rồi khi nào nên, tôi sẽ trả lại cái tự-do cho ông.

Mạch-Hải lại càng cáu, quát lên :

— Thôi tôi biết rồi, chẳng qua là cô chỉ sợ tôi uống rượu thôi. Nhưng tôi uống hay không thì có việc gì đến cô chứ ? Mà cô lại dùng cái thủ-đoạn dã-man trói buộc tôi một cách vô-lý như thế ? Liệu hồn đấy, cái xích này mà bỏ ra được thì cô chết với tôi.

Lệ-Ti mỉm cười một cách chế-nhạo.

— Ông nói thật đấy chứ ? Ông định giết tôi thật đấy chứ ? Tôi vốn định

(1) *Xem N. P. từ số 197.*

không tha ông vội, nhưng ông đã nói thế thì tôi tha ông ngay, xem lời ông nói có đúng không.

Nói xong, nàng liền lấy thìa khóa mở khóa tháo xích ở tay Mạch Hải ra. Mạch-Hải tay vừa khỏi xích là đánh Lệ-Ti liền, rồi chàng giơ hai tay ra toan bóp cổ nàng. Nhưng Lệ-Ti không hề kháng-cự, nàng vẫn đứng nghiễm-nhiên, tha-hồ cho Mạch-Hải muốn làm gì thì làm, không có một mảy-may gì là sợ-hãi. Mạch-Hải phải ngạc-nhiên rụt tay lại đứng ngây người ra nghĩ : Lệ-Ti với mình thật là vô quan-hệ, thế mà đã bao nhiêu lần nàng cứu giúp ta ra khỏi nơi nguy-khốn, nay vì cái giận nhất-thời mà giết nàng, lấy oán báo đức, như thế thì sao còn gọi là người được ! Nghĩ đến đấy, chàng buồn rầu ngồi phịch xuống cái ghế, đầu cúi gằm xuống đất không dám ngẩng lên nhìn.

Lệ-Ti cười :

— Tôi vẫn biết ông không có lòng nào giết tôi. Bây giờ ông đã được tự-do rồi, đừng oán tôi nữa. Thôi chào ông, tôi đi đây.

Nói xong, nàng cúi chào Mạch-Hải rồi đi ra.

■

Mười-lăm phút sau, Lệ-Ti khoác cái áo ngoài thủng-thỉnh trèo lên trên boong, đứng ngắm cái cảnh trời biển mênh-mang. Chính lúc nàng đang bồi-hồi thì một mũi dao nhọn sáng choang, từ sau lưng nàng vụt bay đến lướt qua tai nàng rồi cắm đánh phập vào tường. Lệ-Ti giật mình quay lại thì thấy một người đàn-ông giống Mạch-Hải đang chạy trốn như bay. Lệ-Ti nổi giận đuổi theo. Người kia thấy đuổi lại càng chạy nhanh, nhảy qua chỗ trục hàng-hóa xuống tầng dưới. Lệ-Ti cũng nhảy theo đuổi riết, đến chỗ gần phòng của Mạch-Hải, thì nháy mắt một cái, tên thích-khách đã biến mất rồi. Lệ-Ti ngạc nhiên đứng lại ngẫm-nghĩ. Nàng lấy làm lạ rằng tên thích-khách ấy trông giống Mạch-Hải, mà chạy gần đến phòng Mạch-Hải lại biến mất, chẳng có lẽ Mạch-Hải lại định giết mình hay sao ? Nàng mới đẩy cửa phòng Mạch-Hải vào để hỏi cho ra mành-mối.

Lúc ấy Mạch-Hải đang buồn rầu ngồi ở trên ghế, đầu cúi xuống đất như nghĩ-ngợi phân-vân, Đột-nhiên Lệ-Ti đẩy cửa vào làm cho chàng giật mình ngẩng lên, nhưng chẳng nói chẳng rằng mà cũng chẳng đứng lên chào đón. Lệ-Ti giận dữ hỏi :

— Ông định giết tôi ? Vì cớ gì mà ông lại thù tôi ?

Mạch-Hải ngạc-nhiên :

— Thế là thế nào ?

— Ông vừa mới ném con dao nhọn lướt qua tai tôi ở trên boong lại còn vờ gì Con dao vẫn còn cắm ở đấy !

Mạch-Hải kinh-hãi :

— Thôi thế cô lầm rồi ! Từ nẫy đến giờ tôi chưa ra khỏi cửa, thì sao lại có sự lạ như thế. Nếu quả tôi muốn giết cô thì lúc nẫy tôi bóp cổ cho cô chết, chứ việc gì lại phải giết vụng cô. Tôi có oán cô chẳng qua chỉ trong lúc giận nhất-thời, chứ có đâu dám lấy oán báo đức làm cái điều bất-nghĩa như thế. Xin cô xét kỹ chẳng có oan tôi lắm.

Mạch-Hải nói một cách thành-thực thiết-tha, khiến cho mối ngờ của Lệ-Ti cũng tan dần. Nàng vỗ vai Mạch-Hải yên-ủi :

— Vì lúc nẫy tôi trông tên thích-khách giống ông nên ngờ mà hỏi, nay nghe ông nói tôi biết rằng tôi lầm, xin ông đừng bận trí. Duy việc này xảy

ra làm cho tôi không khỏi quan tâm. Tôi chắc rằng trong tầu này tất có trinh-thám Đức theo bọn ta để hãm-hại, bọn ta thật là ở vào một nơi rất nguy-hiểm, phải để ý lắm mới được.

Mạch-Hải gật đầu, nói :

— Thằng khốn-nạn nào lại dám cả gan thế, để tôi lên xem.

Lệ-Ti khuyên đừng lên, nhưng Mạch-Hải không nghe, nhất-định chạy đi. Lệ-Ti đứng nghĩ một lúc rồi cũng chạy ra theo.

■

Phòng của Mạch-Hải là phòng số 21, mà phòng bên cạnh số 20 là của ba người Đức tên là Khảo-Thoát, Ý-Lỗ và Kỳ Nhĩ-Minh. Khi ba người lấy vé lên tầu xưng là người Hà-lan nhưng thực ra đều là trinh-thám của Đức, ngầm theo bọn Lệ-Ti sang Âu-châu để do-thám cách hành-động của hai người. Tên thích-khách định ám sát Lệ-Ti đó chính là Kỳ Nhĩ-Minh. Kỳ Nhĩ-Minh sau khi ném hụt Lệ-Ti liền chạy trốn về phòng, đem truyện ấy nói cho Khảo-Thoát biết. Khảo-Thoát không bằng lòng, nói :

— Anh thật là đoảng quá. Ai bảo anh giết, mà lại giết hụt, thế là từ đây chúng nó phòng bị cẩn-thận, thế là bất-lợi cho sự tiến-hành của bọn mình !

— Anh biết gì mà cũng nói, có mật-lệnh của đảng-trưởng đây.

Kỳ Nhĩ-Minh vừa nói vừa rút ở trong túi ra một bức mật-điện đưa cho Khảo-Thoát xem. Bức điện-tín ấy :

Kỳ Nhĩ-Minh,

Mạch-Hải và Lệ-Ti là hai nhân-vật rất trọng-yếu trong chiến-tranh, vậy anh và Khảo-Thoát, Ý-Lỗ liệu mà giết cả hai đứa đi để trừ hậu-hoạn. Vô-luận thế nào đừng để cho chúng nó đến được Âu-châu. Rất cần !

Khảo-Thoát xem xong, Kỳ Nhĩ-Minh hỏi :

— Thế nào ? Lệnh bảo phải giết ngay, thế mà chẳng may tôi lại giết hụt. Bây giờ anh tính thế nào ?

Khảo-Thoát và Ý-Lỗ giương mắt lên nhìn nhau. Kỳ Nhĩ-Minh mỉm cười, mở hòm lấy một quả tạc-đạn ra giơ cho hai người xem. Quả tạc-đạn này có máy, phảng-phất như bộ máy vô-tuyến-điện, sức nổ rất mạnh.

Kỳ Nhĩ-Minh cười nói với hai người :

— Tôi mạo-hiểm mang cái vật này đi, nay đã đến lúc dùng đến rồi !

— Anh định giết bọn Lệ-Ti bằng tạc-đạn ?

— Chính thế.

— Lệ-Ti khôn lắm, chẳng phải là dễ đâu

Kỳ Nhĩ-Minh hăng-hái đập bàn nói :

— Tôi thì đánh tan chiếc tầu này cho chết hết cả ấy chứ ! Bọn Lệ-Ti có tránh lên trời !

Ý-Lỗ sợ hãi :

— Nếu tầu đắm thì còn gì là bọn mình !

— Chết cả chứ sao. Vì thiên-chức ! Vì danh-dự ! Vì Đức-ý-chí tổ-quốc ! Chết có sợ gì !

Nói xong, Kỳ Nhĩ-Minh giơ tay lên trời thề một cách rất khảng khái khiến cho bọn Khảo-Thoát, Ý-Lỗ phải cảm-động, cũng nguyện xin vì nước hi-sinh.

Kỳ Nhĩ-Minh nói :

— Tôi định chôn quả tạc-đạn này ở hầm hàng-hóa số 1, các anh đi với tôi để đứng trên canh-phòng cho tôi đi.

Hai người phấn-khởi hùng-dũng cùng với Kỳ Nhĩ-Minh hớn-hở đi ra

53

Mạch-Hải chạy lên trên boong, quả-nhiên thấy ở trên tường gỗ hãy còn một mũi dao cắm đó. Trông ra bốn bên không có một người nào, không biết hung thủ nấp ở đâu. Mạch-Hải mới thủng-thỉnh theo bước chân vô-định mà đi. Thơ-thẩn một lúc, tình-cờ đến hầm hàng-hóa số 1. Cửa hầm rộng chừng 4, 5 thước như một cái cửa huyệt. Mạch-Hải nhòm xuống thì không thấy cái thang lên xuống mà bên dưới lại dường như có bóng người, chàng lấy làm lạ và ngờ, vừa toan nhảy xuống để xem, liền bị Khảo-Thoát và Ý-Lỗ nấp ở gần đấy nhảy ra ngăn lại. Mấy người trước còn đấu-khẩu rồi sau đâm ra đánh nhau. Mạch-Hải một mình hết sức đánh với hai người, nhưng được một lúc thì ngã. Hai người đè lên Mạch-Hải, Ý-Lỗ rút con dao nhọn ra giơ thẳng cánh lên đâm xuống ngực Mạch-Hải, nhưng... con dao chửa xuống đến nơi đã bật khỏi tay Ý-Lỗ mà văng xuống đất. Đó là Lệ-Ti chạy theo Mạch-Hải vừa đến, đánh ngay được vào tay Ý-Lỗ. Mạch-Hải thấy Lệ-Ti đến lại càng phấn-trấn, khí-thế càng hăng, đạp mạnh hai người, vùng dậy được. Lệ-Ti và Mạch-Hải hợp sức đánh hai người, Khảo-Thoát và Ý-Lỗ kém thế dần, vừa đánh vừa lùi, đến cửa hầm Ý-Lỗ liền nhảy xuống.

Khi ấy Kỳ Nhĩ-Minh ở dưới hầm đã chôn tạc-đạn xong đâu vào đấy rồi. Ý-Lỗ nhảy xuống gặp Kỳ Nhĩ-Minh liền đem sự-tình ở bên ngoài nói cho Kỳ Nhĩ-Minh biết. Kỳ Nhĩ-Minh nói :

— Công-việc của bọn mình thế là xong, không sợ chúng nó phá-hoại nữa. Anh nhảy xuống đây thế nào chúng cũng nhảy xuống theo, được rồi, tôi có một kế...

Vừa nói Kỳ Nhĩ-Minh vừa kéo tay Ý-Lỗ đến gian hàng số 1 mở cửa ra rồi nấp vào đàng sau cánh cửa. Quả-nhiên Lệ-Ti và Mạch-Hải sau khi đánh ngã được Khảo-Thoát rồi liền nhảy xuống dưới hầm. Xuống đến nơi thấy gian số 1 ngỏ cửa, ngờ là bọn Ý-Lỗ trốn ở trong ấy mới chạy vào. Chẳng ngờ bọn Kỳ Nhĩ-Minh ở sau cánh cửa đóng ập ngay cửa khóa lại rồi vui cười nhảy-nhót đi lên.

Cửa đóng lại rồi, bọn Lệ-Ti mới biết là trúng kế, hối-hận không kịp nữa, đành đứng ngây ra mà nhìn nhau. Chợt Lệ-Ti trông thấy ở góc phòng một cái máy con, trên có bánh xe chạy luôn không nghỉ, tiếng kêu tích-tắc như tiếng quả lắc đồng-hồ, vội-vàng chỉ cho Mạch-Hải xem. Mạch-Hải trông thấy sợ-hãi kêu lên :

— Tạc-đạn máy ! Trời ơi ! Quân Đức mới độc-ác làm sao ? Chúng nó định hủy chiếc tầu này ư ? Kìa ! Nổ đến nơi bây giờ !

Quả-nhiên nói vừa rứt, một tiếng nổ vang trời, khói tỏa mịt-mù, hơi độc mê-man, tường ở gian hàng vỡ một mảng tướng, nước bể tràn vào ầm-ầm, trong nháy mắt đã đầy đến mấy thước, Lệ-Ti và Mạch-Hải ướt như chuột lụt, ngoi-ngóp bơi ở trong nước và kêu cầu cứu. Nước vào càng đầy dần, muôn phần nguy-cấp, cái chết thật đã chắc mười phần. Hành-khách và thủy-thủ nghe thấy tiếng nổ rồi trông thấy đàng đầu tầu cứ chìm dần xuống nước, sợ hãi hoảng-hốt chạy đi báo cho viên chúa tầu. Viên chúa tầu cũng kinh hãi, và xét được ra tiếng nổ ấy phát ra ở hầm hàng-hóa số 1, vội sai thủy-thủ chạy xuống cứu chữa. Lúc ấy nước vào đầy lắm rồi, chỉ còn độ hơn một thước nữa là chấm nóc hầm. Mạch-

Hải và Lệ-Ti bấy giờ dã mệt lắm, mắt lờ-đờ, lập-lờ trên mặt nước, chỉ còn đợi chết mà thôi. Bọn thủy-thủ tới nơi, một mặt phá vỡ nóc hầm bơi vào cứu được Lệ-Ti và Mạch-Hải ra, một mặt lấy bao cát lấp chỗ thủng lại, một lúc lâu mới ngăn nổi nước bể khỏi tràn vào. Lệ-Ti đem việc bọn trinh-thám Đức âm-mưu hủy tầu nói với viên chúa tầu. Viên chúa tầu nổi giận, tức-khắc mời Lệ-Ti và Mạch-Hải cùng đem bọn thủy-thủ đi tầm-nã hung-thủ.

Chợt có một tên lính đến báo rằng đã bắt được hai tên Đức âm-mưu phá tầu ở trong phòng Lệ-Ti, mời Lệ-Ti đến nhận-diện xem có phải không.

■

Nguyên phòng vô-tuyến-điện ở trên tầu nhận được một bức điện-tín đánh cho Lệ-Ti, một tên thủy-thủ mới đem bức điện-tín ấy đến phòng Lệ-Ti để đưa cho nàng. Tên thủy-thủ ấy đến nơi, vừa toan đẩy cửa vào thì chợt nghe trong phòng có tiếng người Đức nói cười vui-vẻ anh ta ngạc-nhiên, mới ghé tai vào cửa nghe thì thấy trong ấy nói :

— Tạc-đạn nổ rồi mà sao tầu không thấy đắm ?

— Có lẽ tại quả tạc đạn ấy nhỏ hay sức yếu, nên không làm vỡ nổi tầu, nhưng Lệ-Ti và Mạch-Hải bây giờ thì cũng ở trong bụng cá rồi...

Thế rồi tiếng cười và tiếng vỗ tay vang cả trong phòng. Tên thủy-thủ giật mình, bấy giờ mới biết rằng người ở trong phòng chính là quân Đức, thủ-phạm việc phá tầu, mới hết sức đạp cửa xông vào để bắt. Lúc ấy hai tên Đức ở trong phòng đang lục-lọi hòm xiểng của Lệ-Ti dường như để tìm giấy má hay vật gì quan-trọng. Thấy tên thủy-thủ đột nhiên xông vào, hai người đứng ngay lên toan đánh, nhưng lại vội giơ cả tay lên để hàng, vì trong tay tên thủy-thủ đã lăm-lăm khẩu súng lục. Vừa lúc ấy, một tên thủy-thủ khác đi qua, tên này vội-vàng đi báo cho viên chúa tầu và Lệ-Ti.

Được tin báo, viên chúa tầu và bọn Lệ-Ti chạy lên xem, thì quả-nhiên Lệ-Ti nhận được hai người là chính-phạm. Tra hỏi hai người đều khai rõ tên là Khảo-Thoát và Kỳ Nhĩ-Minh và nhận hết các việc, từ con dao hành-thích Lệ-Ti trên boong, cho đến việc chôn tạc-đạn để phá tầu, không chối một lời nào cả. Viên chúa tầu bèn sai đem giam cả lại để đợi khi nào đến đất nước Pháp thì giao cho chính-phủ Pháp xử tội.

Tên thủy-thủ trao bức điện-tín cho Lệ-Ti.

Ai nấy ra cả rồi, trong phòng chỉ còn có Mạch Hải với Lệ-Ti. Lệ-Ti xé bức điện-tín ra xem, thì ra của viên chánh trinh-thám Khắc-Tư đánh đến :

Cô Lệ-Ti

Bọn cô hễ đến Ba-lê thì hãy ngụ ở khách-sạn Hoắc-tư-ban số 62-63 đường Xá-chấn, đừng đi chỗ khác, để đợi tôi cũng sang Pháp cùng cô hội-kiến.

KHẮC-TƯ

Lệ-Ti xem xong đưa cho Mạch-Hải, Mạch-Hải xem rồi hỏi :

— Ý cô thế nào ?

— Tôi xem Khắc-Tư là một người

đáng ngờ khó hiểu lắm. Nhưng hắn là chánh sở trinh-thám thì bọn mình phải nghe lời hắn sai khiến, để đợi hắn sang đến Pháp rồi ta liệu.

Mạch-Hải gật đầu. Một lúc lâu chàng nói bằng một giọng êm-ái.

— Cô Lệ-Ti ơi ! Tôi đã hiểu hết lòng cô rồi. Cô coi tôi chẳng khác gì người nhà, chẳng khác gì ruột thịt, thế mà lúc nẫy tôi lại vô-lễ với cô, tôi thật là một thằng khốn-nạn. Cô Lệ-Ti yêu của tôi ơi ! Cô có thể tha-thứ những tội lỗi trước cho tôi được không ?

Lệ-Ti cười :

— « Lệ-Ti yêu » ! Tên tôi là Lệ-Ti, sao ông lại thêm chữ « yêu » vào ! Nhưng ông đã muốn thế thì cũng được, không sao. Ông là người gọi tôi là « Lệ-Ti yêu » trước nhất vậy.

Mạch-Hải nghe nói sung-sướng quá. Lệ-Ti lại hỏi :

— Thế bây giờ ông còn muốn uống rượu nữa không ?

Mạch-Hải lắc đầu ;

— Không ! Nếu cô không cho uống thì một giọt tôi cũng không nhấp.

Lệ-Ti vỗ tay cười khanh-khách :

— Thế thì tốt lắm ! Tôi với ông hết sức chiến-đấu với rượu, thế là nay ta đã toàn-thắng rồi.

Nói xong, nàng kéo tay Mạch-Hải cùng ngồi trên ghế nói chuyện vui vẻ. Không ngờ rằng còn một tên trinh-thám Đức nữa lọt ra ngoài lưới là Ý-Lỗ, thừa lúc hai người đang nói chuyện lẻn được vào trong phòng. Hai người ngồi quay lưng ra ngoài nên không biết. Ý-Lỗ nằm ép xuống sàn bò đến sau lưng Lệ-Ti, rút súng ra...

(Còn nữa)

Tùng-Toàn *dịch thuật*

VĂN-UYỂN

THƠ CỔ

Hải-thượng Đỉnh-trai tiên-sinh thi-tập (1)

XXXV
Thuật hoài

Đường mây qua lại vó câu giong,
Chán mặt non sông những thẹn-thùng ;
Mùi thế thử chơi chừng ấy đủ,
Cuộc đời đã hẳn lúc nào xong ;
Thôi-thôi xin vái cùng chung-đỉnh,
Kẻo-kẻo còn rày với kiếm-cung ;
Lếu-láo điền-viên cam một phía,
Hoa đào năm cũ gió cơn đông.

XXXVI
Tạ phù-danh

Mi quấy tao đây kể bấy nay,
Thôi-thôi tao cũng giã ơn mày ;
Ba-mươi-sáu tuổi còn chi nữa,
Tám chín năm trời có đã hay ;
Phu-phát dấu kia xem cũng báu,
Đỉnh-chung vị ấy nhắp càng cay ;
Xin mày chớ có trêu tao nữa,
Để mặc tao trong đất nước này.

XXXVII
Tặng giai-nhân đủ tài cầm kỳ thi họa

1

Rắp hỏi chơi đây những thẹn-thùng,
Chữ tình ai nỡ dứt cho xong ?
Những người trong cuộc nhiều người lạ,
Mà của trên đời vốn của chung ;
Duyên-phận ngán xem thân thiếu-nữ,
Tài-hoa gầy cả mặt anh hùng ;
Thôi thôi còn biết làm chi đó,
Thục-nữ rồi ra họa có không.

2

Quấy-quả chi nhau những những điều,
Của đâu ấy đã đã nên chiều ;
Trời đem tài sắc cho trông thấy,
Người có phong tình vậy dám yêu ;
Buổi lạ lẽ đâu xởm-xỡ mấy,
Lòng riêng nghĩ những giận cằm nhau ;
Lời này xin nhớ cho ai với,
Lần-thần xin đừng dạ thấp cao.

XXXVIII
Tặng người tri-âm tỉnh Thanh
(Năm bài)

1

Tưởng lại tri-âm đã mấy người,
Lời xưa ai có nhớ cùng ai :
Một niềm son đá từ năm trước,
Đôi tiếng cầm ca mới buổi mai ;
Nguyệt nọ năm qua con bóng xế,
Hoa kia xuân vắng cái màu phai ;
Vì duyên, vì phận xui nên thế,
Chớ nghĩ rằng ta đã sắc tài.

2

Chớ nghĩ rằng ta đã sắc tài,
Sắc tài thiên-hạ kém chi ai ;
Chẳng qua thú ấy từng hơi-hớm,
Vậy để tình kia chửa dứt dai ;
Ngắm bóng những mong cơn nguyệt tỏ,
Vin cành chi đợi lúc hoa phai ;
Chút gì gắn-bó cho đành đó,
Sau sẽ liệu bài ngỏ một hai.

3

Nguyệt hỡi ta về mấy buổi nay,
Vắng mình ta những ngẩn-ngơ thay ;

---

(1) Tập thơ nguyên-bản chữ nôm đề là của Đỉnh-trai tiên-sinh, nay bản-chí xét ra thì Đỉnh-trai tiên-sinh là cụ Nghè Tân ở làng Thượng-cốc tỉnh Hải-dương.

Trà pha Longtỉnh mà không giọng,
Rượu chuốc Bồ-đào cũng chẳng say ;
Giấc điệp bâng-khuâng nơi trống điểm,
Hồn mai ngao-ngán tiếng đàn bay ;
Xa xôi tình có hay chăng tá,
Con tạo trêu ngươi những quấy rầy.

4

Thở ngắn thôi thôi lại thở dài,
Nỗi này ta biết nói cùng ai !
Thương người vả lại yêu vì tiếng,
Thấy nết cho nên trọng đến tài ;
Tri-kỷ bấy lâu đành có một,
Chung-tình đâu lẽ xẻ làm hai ;
Còn trăng còn gió còn đây đấy,
Non biển nguyền xưa trót dám sai.

5

Nàng có thương ta nhớ lấy lời,
Những lời vàng đá phải lời chơi ;
Đường tuy nửa bước như nghìn dặm,
Duyên chửa trăm năm cũng một đời ;
Tần Tấn đã đành trong gặp gỡ,
Ngô Lào chi chịu chuyện xa khơi ;
Chẳng chăng phỏng độ đôi ba tháng,
Nàng có thương ta nhớ lấy lời.

XXXIX
Từ biệt

Khi mình thong-thả thì ta ra,
Thong-thả rồi ra sẽ lại qua ;
Vàng đá trăm năm đành đã quyết,
Nước non và buổi có bao xa ;
Dầu duyên lá thắm làm chi đó,
Hẳn chuyện trăng già cũng chẳng tha ;
Lần-thần xin đừng đo-đắn nữa,
Trăm điều hãy cứ một mình ta.

NGUYỄN-THẾ-XƯƠNG *sao-lục*

***

THƠ KIM
Chúc mừng Nam-Phong Tạp-chí

I

Quốc hoa vun trước gốc nam-âm,
Bao thủo còn nghe những khúc cầm ;
Cõi học treo cao gương chính-lý,
Nguồn triều nhóm lại điểm trung-tâm ;
Tung ra khoảng tối làn tia sáng
Hòa lẫn trên không tiếng sấm ầm ;
Nóng bức trở nên cơn mát mẻ,
Hồi xuân vũ-trụ cậy công ngầm.

II

Từ hồi tiếp-xúc ngọn tân-trào,
Trận bút đầu tiên đã tự hào ;
Trong phạm-vi này bao khoản rộng,
Ngoài gang-tấc ấy mấy từng cao ;
Gọi hồn hoa cỏ tưng-bừng dậy,
Mở mặt non sông hớn-hở chào ;
Tuôn khắp một vùng không-khí mới,
Mây ngàn phất-phới nước nguồn xao.

III

Nền-tảng tô bồi lấy quốc-phong,
Lâu đài lý-tưởng hợp tây đông ;
Câu văn điền-nhã hoa non Tuyết,
Ngọn bút cao-siêu sóng bể Hồng ;
Tiến bước văn-minh đường lối thuận,
Gom phần tri-thức mẫu-khuôn chung ;
Rồng mây góp sức nên cơ-hội,
Vầy hạt mưa hè khắp núi sông.

IV

Quản bao khổ-khắc những công-trình,
Chỉn cố suy-cầu nghĩa phát-minh ;
Nét mực điểm son cùng giấy trắng,
Lòng vàng dạ sắt đối khuôn xanh ;
Duy-trì vững-chãi nền ngôn-luận,
Chỉ-dẫn sâu xa lối học-hành ;
Ngồi đó dựng cao đàn diễn-thuyết,
Đâu đâu cũng tỏ mối hoan-nghênh.

V

Nghe thấy đâu đều được phổ-thông,
Bấy lâu vang dội tiếng Nam-Phong ;
Vạch đường quốc học bằng ngòi sắt,
Liền mối nhân-tâm với dải đồng ;
Phưởng-phất cung cầm đời thủo trước,
Bao-la bức họa buổi hừng đông ;
Khác nào phây-phầy trong cơn gió,
Trăm thức chồi mầm nẩy-nở bông.

HOÀNG CHÂU-TÍCH

THỜI-ĐÀM

PHÁP

Thương-ước Pháp-Đức

Theo tờ thương-ước mới thì hai nước Pháp và Đức cùng cho dân nước nọ kiều ngụ hay là thông-thương ở nước kia ; cho các hàng-hóa các tầu buôn của nước nọ đến các cửa bể ở mẫu-quốc hay ở thuộc-địa của nước kia, và đều được hưởng đặc-quyền như nước tối-ưu-đãi. Gạo, nước Đức sẽ mua 15 quan một tạ, mà cao-su đem vào Đức sẽ không phải chịu thuế.

Cảnh-sát đeo dấu hiệu cờ nước ngoài.

Gần đây cục Công-an *Paris* mới bổ những học-sinh trường Ngoại-quốc-ngữ-học ra làm lính cảnh-sát, mục-đích để chuyên giao-thiệp với du-khách ngoại-quốc. Hạng cảnh-sát này trên tay áo mỗi người có đeo dấu hiệu cờ nước ngoài, như người nào đeo hiệu cờ nước Ý tức là người ấy thông-thạo tiếng nước Ý, sẽ giao-thiệp với du-khách nước Ý, mà người nào đeo hiệu cờ nước Nga nước Đức, thì giao-thiệp với du-khách nước Nga nước Đức, v.v.

Pháp có bao nhiêu dân thất-nghiệp?

Theo bản thống-kê chính-thức thì đến 11 Août vừa rồi ở Pháp có 322.483 dân thất-nghiệp được chính-phủ cứu giúp, nhiều hơn tuần trước tới 4.200 người. So-sánh với thời-kỳ này hồi năm ngoái thì số dân thất-nghiệp ở Pháp đã tăng lên tới 84.000 người.

Nền tài-chính sang năm

Quan Tổng-trưởng bộ Tài-chính GERMAIN MARTIN tuyên-bố rằng ông đã đồng ý với các quan Tổng-trưởng định các khoản chi-tiêu trong năm 1935 là 47 nghìn triệu quan, nghĩa là kém số chi-tiêu năm 1934 những 3 nghìn triệu. Không đánh thêm một thứ thuế mới nào, không giảm lương quan-lại, không triệt hưu-bổng của các cựu chiến-binh.

* * *

ĐỨC

Đức ngầm tăng binh-bị

Cứ như lời của phóng viên báo Anh « *Daily Express* » ở Luân-đôn là ông PEMBROKE STEPHENS thì hiện nay người Đức đang ngầm-ngầm chế-tạo máy bay về việc chiến-tranh nhiều lắm. Cả những đạn lựu, trái phá, và các chất nổ cũng chế ra rất nhiều. Như vậy nền hòa-bình của thế-giới thực là đáng lo ngại.

* * *

Hạt Sarre sẽ về Pháp hay Đức?

Đến 13 Janvier 1935 sẽ có cuộc hội-họp nhân-dân ở hạt Sarre để bỏ phiếu xem hạt ấy sẽ sáp-nhập về nước Pháp hay về nước Đức.

Vừa rồi người Đức có tổ-chức một cuộc biểu-tình ở *Coblence* để cổ-động cho hạt *Sarre* về nước mình.

Hôm 26 Août, ở *Sulzbach*, nhân-dân cũng tổ-chức một cuộc biểu-tình lớn, có 70.000 dân *Sarre* thề rằng đến 13 *Janvier* này sẽ bỏ phiếu giữ chính-thể cũ và phản-đối sự sáp-nhập hạt *La Sarre* về nước Đức.

Cứ như tin đồn thì dân *Sarre* muốn được độc-lập.

∴

ÁO

Hitler lại muốn khuấy rối Áo chăng ?

Chính-phủ mới khám-phá được một xưởng để khí-giới bí-mật của đảng HITLER ở trong một phố ngoại-ô thành *Vienne*. Các khí-giới đã bị tịch-biên, đều là của Đức gửi sang cả.

Người ta cho rằng đó là cái chứng cớ tỏ ra Đức lại muốn khuấy rối Áo lần nữa.

∴

Ý

Cuộc hội-kiến của hai quan Thủ-tướng Ý Áo

Hôm 21 Août, thủ-tướng nước Áo là ông SCHUSCHINGG đến *Florence* hội-kiến với MUSSOLINI ở biệt-thự *Marinis*.

Cuộc hội-kiến này đàm-luận về chính-trị và kinh-tế của hai nước. Hai bên đều đồng ý-kiến về các chương-trình sẽ theo đuổi và những phương-pháp sắp thi-hành về sự độc-lập và sự nguyên-toàn Thổ-địa của nước Áo. MUSSOLINI và SCHUSCHINGG cùng quyết giữ chặt cuộc hiệp-tác của hai nước Áo Ý theo như chương-trình của quan cố thủ-tướng DOLFUSS và ngăn-ngừa các việc phiến-loạn của đảng Quốc-gia xã-hội Đức ở trong nước.

Cuộc hội-kiến này rất quan-trọng có quan-hệ đến thời-cục Âu-châu. Báo giới Đức rất lấy làm bất-bình về cuộc hội-kiến này, cho như là cuộc biểu-tình phản-đối Đức.

∴

MĨ

Mĩ đóng thêm được 748 chiếc máy bay

Cứ theo như tờ phúc của sở thương-mại hàng-không Hoa-kỳ thì 6 tháng đầu năm 1934 này, người Mĩ đã đóng thêm được 748 chiếc máy bay, hơn số chế-tạo 6 tháng đầu năm ngoái là 75 chiếc.

Trong số 748 chiếc máy bay mới đóng ấy, có 374 chiếc dùng về việc chính-trị, 264 chiếc về nhà binh và 110 chiếc để xuất-cảng nghĩa là để bán cho ngoại-quốc.

Mới phát-minh được một thứ điện-quang giết người rất mạnh.

Ông NICOLA TESLA là nhà kỹ-sư điện-khí ở Hoa-kỳ, trong dịp ông ăn mừng thất-thập-bát-tuần có công-bố cho mọi người hay rằng : ông mới phát-minh được một thứ điện-quang giết người rất ghê-gớm. Chỉ dùng 50 triệu *volts* là điện-quang ấy có thể tàn-phá 10.000

60

chiếc phi-cơ bay cách xa 400 cây-số. Như thế thì muốn giết bao nhiêu quân lính ở cách xa mà chẳng được.

Ông nói rằng thứ điện-quang này chỉ dùng để tự-vệ mà thôi. Nếu quả thế thì sẽ không lo có sự chiến-tranh xảy ra nữa.

.*.

BỈ

Một cuộc hội-nghị quốc-tế để hạn-chế chiến-tranh

Chính-phủ Bỉ đã gửi cho các nước một bức thư mời các nước dự vào một cuộc hội-nghị quốc-tế để hạn-chế chiến-tranh sẽ mở ra trong tháng sáu năm 1935 ở thành *Bruxelles* nước Bỉ.

.*.

NGA

Tìm được 360 bức thơ của Napoléon ở Moscou

Trong lúc đang chữa lại pháo-đài *Kremlin ở Moscou*, người ta mới tìm được 360 bức thư của vua NAPOLÉON bỏ quên khi xưa và nhiều bản địa-đồ trận mạc. Những bức thơ ấy là NAPOLÉON viết cho vua ALEXANDRE nước Nga hồi năm 1812.

.*.

ẤN-ĐỘ

Dựng tượng Anh-hoàng

Muốn tỏ tình trung-thành với nước Anh, các ông hoàng và các nhà chủ-tịch các xứ ở Ấn-độ đã quyết-định dựng một pho-tượng vua GOERGES V là Anh hoàng, chiều cao 16 thước tây, mặc phẩm-phục hoàng-đế Ấn-độ.

Có kẻ toan chém ông Gandhi

Ông GANDHI lâu nay vẫn ở trong cái biệt-thự ở xóm *Cliston* trong thành *Karachi*, hàng ngày đọc kinh tham-thiền và lo việc nước, ai nấy đều tôn kính.

Thế mà bỗng có một người Ấn-độ lạ mặt lại vác búa chạy vào biệt-thự tìm ông để chém. Nhưng hung-thủ bị bắt ngay và khai vì hắn là tín-đồ của phái « Sa-tăng » không phục ông GANDHI nên mới tìm để giết ông cho rồi.

.*.

NHẬT

Nhật đang mưu chiếm Mông-cổ

Mới đây ở Bắc-kinh cho hay rằng Nhật họp hội-nghị ở Nhiệt-hà bàn tính về quân-sự, định đem thêm binh đóng dài Vạn-lý trường-thành rồi đi xâm-lược Nội-Mông-cổ. Tờ *Chen Pao* nói rằng Nhật muốn chiếm Mông-cổ như là chiếm Mãn-châu, và sẽ chia Mông-cổ ra làm hai : Đông-mông và Tây-mông cũng như họ đã chia Mãn-châu ra làm Nam-Mãn và Bắc-Mãn. Đông-Mông là một phần Mãn-châu với Nhiệt-hà mà Nhật đang chiếm bây giờ, còn Tây-mông thì có *Tchahan* và *Sceignen* mà Nhật sẽ chiếm nay mai.

Nhật với điều-ước hải-quân Hoa-thịnh-đốn

Bấy lâu Nhật vẫn lấy làm bất-bình về bản điều-ước Hoa-thịnh-đốn (*Washington*) nên vừa rồi quan Tổng-trưởng bộ Hải-quân Nhật là Đại-Giốc có tuyên-bố rằng nếu Chính-phủ Nhật không

quyết-định tố-giác bản điều-ước Hoa-thịnh-đốn thì ông sẽ xin từ-chức. Ông có nói với quan Thủ-tướng rằng hải-quân đồng-thanh yêu-cầu bãi ngay tờ ước ở Hoa-thịnh-đốn đi để cho Nhật được tự-do dự vào cuộc hội nghị hải-quân năm 1935, nếu không hải-quân Nhật bị tờ ước ấy bạn-chế bó buộc, thì khó có thể ngang hàng với các cường-quốc được.

Chương-trình chế-tạo hải-quân

Theo tin của hãng « *Renter* » thì chính-phủ Nhật sẽ phụ-cấp cho các nhà máy đóng tầu chiến một số 21 triệu « *Yen* » trong một thời-kỳ 5 năm, bắt đầu từ Octobre 1935 để đóng tàu mới, thay cho 50.000 tấn tầu cũ bỏ đi.

Món tiền phụ-cấp ấy bình-quân mỗi năm là 4.800.000 « *Yen* ».

THỜI-CỤC NƯỚC TÀU

■

Cuộc hội-nghị ở Lư-sơn.

Tưởng Giới-Thạch điện mời Uông Tinh-Vệ, Đái Quí-Đào, Tôn-Khoa, Khổng Tường-Hi, Tống Tử-Văn, Nhan Huệ-Khánh, Cố Duy-Quân, Hoàng Thiệu-Hùng đến Lư-sơn (Giang-tây) mở cuộc hội-nghị, bàn các vấn-đề Tây-nam Hoa-bắc, và cuộc Trung-ương toàn-thể hội-nghị lần thứ năm.

Từ sau khi Trần Tế-Đường nhận chức Tổng tư-lệnh quân tiễu-phỉ về Nam-bộ trong 5 tỉnh, thì đã dự-bị cho quân đi tiễu-phỉ, tỏ ra ý ủng-hộ họ Tưởng. Vừa đây lại phái đại-biểu đi Nam-xương để báo-cáo với Tưởng Giới-Thạch về tình-hình miền Tây-nam, đại-khái nói từ khi Tưởng phái Hoàng Thiệu-Hùng đến Quảng-tây để thương-nghị mọi việc, thì phái Tây-nam đã tỏ lòng thành-thực tuân theo mọi ý-định của chính-phủ Nam-kinh, cho nên trong một tháng nay, các nhà đương-cục quân-sự phía Tây-nam là Trần Tế-Đường, Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hi, Dư Hán-Mưu, Lý Dương-Kính v. v... đã mấy lần hội-nghị tại nhà riêng Trần Tế-Đường, kết-quả phái Tây-nam đều tình-nguyện đem hết lòng thành-thực để ủng-hộ Trung-ương v. v...

Phái Tây-nam tuy tuyên-bố như vậy, nhưng chưa thể chắc được rằng họ đã chịu kiên-quyết ủng-hộ cho họ Tưởng.

Hoàng-Phu, trưởng ban ủy-viên chính-trị Bắc-bình, đối với cuộc giao-thiệp Trung-Nhật vẫn mang mối lo ngầm, lại thấy có một số người không lượng cho cái khổ-trung của các nhà đương-cục, không xét rõ tình-thế quốc-tế, in bừa truyền-đơn đặt để tiếng xấu để chỉ-trích, nên Hoàng-Phu lại càng mang mối bi-quan.

Quân cộng-sản nổi lên ở Phúc-châu.

Quân Cộng-sản Phúc-kiến bị Tưởng Giới-Thạch đánh bại từ mùa xuân năm nay, gần đây chúng lại nổi dậy kéo tới gần Bạch-sa (*Peisha*), muốn chiếm lấy Phúc-châu là tỉnh-thành Phúc-kiến. Bởi vậy ở Phúc-châu xôn-xao, ngoại-quốc đem tầu binh đến bảo-hộ kiều-dân của họ. Nay Tưởng Giới-Thạch hạ lệnh cho mấy đạo binh đem phi cơ tới đánh quân Cộng.

Chính-phủ Tàu sợ ngoại-quốc can-thiệp nên phải ra sức đánh quân Cộng

không cho chúng tới gần Phúc-châu, vì ở đấy người ngoại-quốc ở đông, mà nhất là Nhật bản có tô-giới rộng nhất, nếu Nam-kinh không giữ cuộc trị-an được thì họ ra tay can-thiệp, chắc là khó lòng cho Tàu.

Hiện quân Công quấy rối mãi ở miền Thủy - khẩu - trấn, quân của chính-phủ vừa phái 18 chiếc máy bay đến ném tạc-đạn xuống và ở dưới thì cho quân bồ vây tứ phía. Phỉ-quân bị khốn trong trùng-vi, nên đã tan vỡ hết. Quân chính-phủ đã thu-phục lại được Thủy-khẩu-trấn.

Tưởng Giới - Thạch đã điện cho chính-phủ Phúc-kiến lập tức phải ban tờ khuyến-thị cho nhân-dân được yên lòng.

Thế là quân Cộng-sản ở Phúc-châu đã dẹp yên.

Tình-thế Nga Nhật ở Mãn-châu.

Cứ tin trong ngoại-giao-giới thì viên lục-tướng Nhật đã quyết định bỏ hết cái chính-sách « nhẫn-nại », từ nay nếu chính-phủ Tô-Nga đối với Nhật còn có cái hành-vi có ý khêu tức, thì Nhật quyết dùng thủ-đoạn mãnh-liệt để đối-phó lại với Nga.

Thủ-tướng Nhật là Quảng-điền đối với việc Nga bán đường xe lửa Trung-đông đã đề-nghị mấy điều kiện; song Tô-Nga vẫn không trả lời, nên đại-biểu của hai nước cử ra thương-thuyết về việc mua bán này lại có lệnh triệu đâu lại về đấy, thôi không đàm-phán nữa.

Cuộc giao-thiệp về việc này đã thất-bại, chính-phủ Mãn-châu tuyên-bố sẽ có cuộc hành-động về quân-sự.

Chính-phủ Mãn-châu-quốc vừa hạ lệnh bắt tới 50 người Nga làm việc tại sở xe lửa Trung-đông. Đối với việc này, người Nga lấy làm căm-uất lắm. Vừa rồi tin ở Cáp-nhĩ-tân lại báo rằng Nhật bắt thêm 14 người Nga tòng-sự ở đường xe lửa Trung-hoa, thế là tất cả trong hai tuần-lễ đã bắt hơn 60 người. Phần nhiều người bị bắt đều bị cáo về tội mưu phản đế-quốc Nhật và Mãn-châu quốc

Nước Nga đã gửi lời phản-kháng cho viên đại-biểu bộ ngoại-giao Mãn-châu về việc bắt các viên-chức Nga tòng-sự tại đường xe lửa Trung-đông và yêu cầu phải tha những người bị bắt đó ra ngay.

Nga cùng Nhật Mãn tình-thế ngày càng hiểm ác, tại Cáp-nhĩ-tân, Trường-xuân, Thẩm-dương đều đặc-biệt giới-nghiêm. Không-quân và hải-quân Nga đều họp cả ở Hải-sâm-uy, số lục-quân, thêm đến 17 vạn, ngòi lửa chiến-tranh sắp đến thời-kỳ nổ bùng lên chăng?

Hiện nay ở Du-quan, quân của các nước sau một cuộc thao-diễn đều đã chuẩn-bị cả. Quân của Nhật và Mãn-châu mỗi ngày kéo đến một nhiều, cả tầu chiến lẫn máy bay, hình như họ dự-bị sẽ có cuộc chiến-tranh lớn với Tàu sắp tới nơi. Quân Nhật kéo đến không có chỗ ở, họ chiếm-đoạt nhà cửa của dân để lấy chỗ đóng quân, tình-hình ở Du-quan đã thấy bối-rối.

Thế-lực quân nghĩa-dũng.

Quân nghĩa-dũng phía đông Cát-lâm luôn luôn mấy lần đánh úp hai quân Nhật Mãn ở đường sắt Trung-đông, Thẩm-hải, sau khi đại-thắng đã cùng nhau liên-lạc được rất dễ-dàng. Các nơi hiện nay lại thấy treo cờ thanh-thiên bạch-nhật.

Quân nghĩa-dũng họ ẩn-trú nhiều chỗ rất hiểm yếu, ngày nào họ cũng lẻn ra phá khuấy một đôi nơi. Nay họ kéo binh đi cắt đứt cả dây thép để

63

làm cho tin-tức các nơi không thể lưu thông được đến Mãn-châu, mai họ lại đón đánh các đường xe,hoặc họ phá hư cái cầu nào cần-thiết cho sự giao-thông, hay là họ cạy phá nhiều khúc đường xe lửa. Quân Nhật Mãn không thể nào ngăn - ngừa được cho xuể. Trong khoảng hơn một tháng nay, các đoàn xe đi trên đường ấy bị nổ và trượt bánh cộng hơn 30 lần, sự thiệt-hại rất to.

Nhật có sai Vu Chỉ-Sơn đem binh đi tiễu-trừ bọn quân nghĩa-dũng, song phần nhiều bọn quân lính Mãn-châu khi ra đến nơi thì đều theo đầu bọn quân nghĩa-dũng và trở lại đánh với binh Nhật kịch-liệt lắm. Lại cũng có chỗ quân lính Mãn-châu bị bọn nghĩa-dũng kéo tới chiếm-cứ đất cát và thu đoạt khí-giới rất nhiều.

Vì thấy thế-lực của bọn nghĩa-dũng mỗi ngày một bành-trướng, nên mới đây Nhật đã mở cuộc « Nhật-Mãn quân-sự trọng-yếu hội-nghị » tại kinh-đô Trường-xuân để thi-hành việc phân giới miền Đông-bắc ra làm 7 khu-vực, và mỗi khu-vực đều có một số quân cảnh-bị của Nhật hoặc của Mãn-châu ngày đêm canh gác rất nghiêm-mật để ngăn-ngừa bọn nghĩa-dũng

VIỆC TRONG NƯỚC

Chính-phủ Xiêm đối với kiều-dân Việt-Nam.— Ngày mồng 1 Août, chính-phủ Xiêm-la định từ nay trở đi, người Việt-Nam vào kiều-ngụ ở Xiêm mà có giấy thông-hành rồi thì phải chịu một món thuế 100 đồng bạc Xiêm, để lấy cái chứng-chỉ được kiều-ngụ. Ai không có giấy thông-hành thì phải chịu thêm 10 đồng nữa lấy một cái giấy căn cước dùng trong hai năm. Ai muốn về nước hoặc đi sang nước khác thì phải chịu 20 đồng để lấy một cái giấy phép ra đi.

Một tờ Dụ hạ tiền lấy lãi về hộ-vụ.— Đức Bảo-đại mới xuống một tờ Dụ sau này :

Dụ số 34 ngày 14 tháng 7 năm Bảo-đại thứ 9 (23-8-1934). Chiếu dụ ngày 8 tháng 10 năm Duy-tân thứ 7 (5-11-1913) định số tiền cho vay lấy lời về hộ vụ và trừng-trị tội lấy tiền lời trái lệ, có nghị-định quan Toàn-quyền Đông-Pháp ngày 2-7-1914 duyệt-y và ban-bố thi-hành.

Chiếu theo phiến thỉnh của bộ Tài-chính.

Dụ :

Khoản thứ 1.— Dụ ngày mồng 8 tháng 10 năm Duy-tân thứ 7 (5-11-1913) nói trên kia về việc định số tiền cho vay lấy tiền lời và về những điều khoản trừng-trị tội lấy lời trái lệ nay đều đình-hành.

Số tiền lời về hộ-vụ do quan chuẩn-định rất cao nữa cũng không quá mỗi năm mỗi trăm lời 5 phân (5%), do hai bên giao-ước với nhau, rất cao nữa cũng không được quá mỗi năm mỗi trăm lời 8 phân (8%).

Khoản thứ 3.— Nếu có người cứ theo thói quen phạm tội lấy lời quá lệ, thì chiếu theo luật Hình Hoàng-Việt điều thứ 401 mà nghị phạt.

Đức Bảo-đại lại xuống một tờ dụ để thi-hành ở Bắc-kỳ có một khoản định rằng:

Khoản 1122 trong luật Hộ thi-hành

64

tại các tòa Nam-án ở Bắc-kỳ nay đổi như sau này:

Tiền lời về hộ-vụ không được quá 5 phân và tiền lời do hai bên đính-ước với nhau không được quá 8 phân một năm.

Lập Hội cứu-tế và chẩn-thải quốc-thảng ở Trung-kỳ. — Chiếu theo phiến tấu của quan Thượng-thư bộ Tài-chính và Xã-hội-cứu-tế về sự lập một hội cứu-tế và chẩn-thải quốc-thảng ở Trung-kỳ thì Hoàng-thượng đã ban một đạo dụ nói rõ về thể-lệ và các điều-kiện cho lập hội ấy.

Thuế thân người Nam-kỳ năm nay được giảm. — Thuế thân người Nam-kỳ trước mỗi người nộp 6$00, ngày 29 Août quan Thống-đốc PAGÈS xứ Nam-kỳ đã thông-tư cho các tỉnh biết rằng thuế thân năm 1934 định là 5$50 ở khắp các hạt. Ai đã đóng được thuế thân năm nay rồi thì được coi như là đã đóng tất cả các năm còn thiếu trước.

Hạn tập-sự của các viên-chức công-sở. — Quan Toàn-quyền mới ra nghị-định rằng từ nay về sau, các viên-chức tập-sự ở các công sở ít ra cũng phải hai năm rồi mới được bổ thực-thụ.

Những người thầu các hóa vật dùng ở các công-sở phải có môn-bài. — Theo tờ thông-tư của quan Thống-sứ Bắc-kỳ thì người nào muốn thầu hóa-vật gì dùng ở các công-sở, phải đưa trình môn-bài đã rồi mới được bỏ giấy thầu.

Số trí thức thất-nghiệp ở Nghệ-an. — Ông Nguyễn Khoa-Kỳ Tổng-đốc Nghệ-an mới làm bản thống-kê số trí-thức thất-nghiệp ở Nghệ-an có hơn 700 người. Trong số đó phần nhiều là người Hán-học. Quan Tổng-đốc đã định lập ra một hội để cứu-giúp những người ấy, đặt tên hội là « Hội An-hoài 安懷會 » hội-họp tại nhà văn-miếu Vinh.

Quan Toàn-quyền vào Nam-kỳ. — Ngày 2 *Septembre* quan Toàn-quyền ROBIN đã khởi-hành do đường bộ vào Nam-kỳ. Khi tới ga Bỉm-sơn Ngài có rẽ vào thăm lăng Triệu-tường ở Qui-hương thuộc huyện Tống-sơn tỉnh Thanh-hóa là nơi phát-tích Nguyễn-triều ta. Tiện đường Ngài lại đi thăm nơi thắng-cảnh Phố-cát là đền thờ bà chúa Liễu, thuộc huyện Thạch-thành tỉnh Thanh-hóa. Ngày 3 *Septembre* Ngài tới Huế, sáng mồng 4 Ngài đi vào tới Qui-nhơn có qua thăm trại hủi Qui-hòa. Ngày 5 đi thăm Ban-mê-thuột, mồng 6 Ngài tới Dalat thỉnh-an đức Bảo-đại và Nam-phương Hoàng-hậu. Mồng 8 Ngài đã tới Sài-gòn.

Mấy nhà bưu-điện lớn mở cửa thêm giờ. — Quan Toàn-quyền mới ra nghị-định đổi lại giờ mở cửa mấy nhà bưu-điện lớn như sau này:

Hà-nội và Hải-phòng ngày thường: chỗ bán tem và chỗ gửi thư bảo-đảm, mở cửa từ 7 giờ đến 18 giờ; chỗ đánh giây thép mở cửa từ 7 giờ rưỡi đến 22 giờ; điện-thoại từ 7 giờ đến 22 giờ. Các ngày lễ và chủ-nhật: chỗ đánh giây thép mở cửa từ 7 giờ rưỡi đến 22 giờ; điện-thoại từ 7 giờ đến 22 giờ.

Huế và Tourane, ngày thường: chỗ bán tem mở cửa từ 7 giờ rưỡi đến 18 giờ; điện-tín và điện-thoại mở cửa từ 7 giờ 30 đến 22 giờ. Các ngày chủ-nhật và ngày lễ: mở cửa từ 7 giờ rưỡi đến 22 giờ riêng về điện-tín và điện-thoại.

Các giáo-quan hội-họp tại Quốc-tử học-xá Huế. — Quan Thượng-thư bộ Quốc-dân giáo-dục có đạt giấy mời

tất cả các quan Đốc-học, Kiểm-học, Giáo-thụ và Huấn-đạo ở các tỉnh thuộc Trung-kỳ đến ngày mồng 3 và mồng 4 *Septembre* đều đến hội-họp tại Quốc-tử học-xá Huế để nghe lời diễn-thuyết và có ý-kiến gì thì được bày-tỏ để cùng nhau bàn-luận sửa-đổi chương-trình về đường giáo-dục.

Cuộc hội-họp này sẽ thành lệ hằng năm để các giáo-quan cùng quan Thượng-thư bộ Giáo-dục được trực-tiếp trao đổi ý-kiến có quan-thiết đến việc giáo-dục quốc-dân.

Một lớp dạy lục-sự tại Huế. — Ngày 15 *Août*, Hội-đồng Thượng-thư có nghiệm ra rằng có nhiều quan-chức các tòa Nam-án các tỉnh không hiểu hết luật-nghĩa, vậy quan Thượng-thư bộ Hình Bùi Bằng-Đoàn đã định mở một lớp giảng về luật để đào-tạo lấy một số lục-sự đủ dùng.

Từ 18 *Septembre* trở đi, tại Đô-thành sẽ có một lớp giảng về luật mỗi tuần lễ hai kỳ vào ngày thứ ba và thứ sáu, từ 19 giờ 30 đến 22 giờ.

Quan Thượng Hình sẽ cùng các quan Cố-vấn các bộ thân-hành trông nom lớp đó, và sẽ đặt một chương-trình học nhất-định.

Các tạm-phái và thừa-phái bộ Hình và Phủ-doãn Thừa-thiên đều bắt buộc phải học. Các viên-chức bộ Lại và các người sắp thi thừa-phái cũng được phép học theo lớp đó.

Quan Thượng Hình sẽ điều-đình với quan Cố-vấn luật GAYE và ông Trần Văn-Ngọc, lục-sự thượng-hạng ngạch tòa án Bắc-kỳ về dạy thêm.

Mưa to gió lớn. — Cuối tháng *Août*, ở Bắc-kỳ có mấy trận mưa to gió lớn làm cho nhiều nơi bị tổn-hại. tỉnh Bắc-giang vỡ đê Yên-dũng dân bị thiệt hại nhiều, các ruộng nương bị ngập chừng 30 cây lô-mét vuông. Ở Kép, một cái cầu xe-lửa bị trôi đi mất. Hải-dương trong thành-phố ngoài đồng-điền bị lụt. Tỉnh Quảng-yên đường thuộc-địa bị đứt, cái cầu ở Uông bí bị trôi mất, sở than-mỏ bị hại tới hai vạn đồng. Tỉnh Hòa-bình nước lên to phố phường bị nước tràn gần khắp. Toàn hạt Hưng-yên bị ngập tới hơn ba vạn mẫu ruộng lúa. Bắc-ninh đồng ruộng đều bị nước mông-mênh, đê Châu-cầu vỡ, 27 làng bị lụt. Lục-nam phố xá đều bị lụt. Tỉnh Phúc-yên, núi Xuân-hòa bị sụt lở nhiều, gió lốc xoáy lên từng tảng đá ong, có tảng rộng tới 8 × 30 thước, dầy hai ba thước. Hạt Thanh-trì thuộc Hà-đông ngót bốn nghìn mẫu lúa mùa bị ngập. Còn những đường đứt, thuyền đắm, nhà trôi, tường đổ, cây gẫy kể cũng khá nhiều.

Mò được kho vàng ở bãi bể Thanh-hóa. — Ngày 26 *Août*, hai cha con người thuyền chài Nguyễn Bá-Đường (người làng Thổ-phú huyện Quảng-xương Thanh-hóa) đi đánh cá ở bến bể Sầm-sơn vì bị mắc lưới mà xuống mò, thấy một cái thuyền to nằm ở chỗ trũng, trong thuyền thấy có tiền của lẫn trong đất bùn, mò lên được tiền đồng Cảnh-hưng, Cảnh-thịnh, vàng thoi bạc thoi. Cha con Bá-Đường giữ kín để mò lấy được trong 8 ngày rồi mới vỡ chuyện. Nhân-dân ở hai làng Thổ-phú và Hải-nhuận đều kéo nhau đến mò, được của đem bán, trước rẻ sau đắt, mỗi thoi vàng được mươi thúng thóc, mười đồng bạc, cao dần lên đến hai ba trăm bạc, các nhà giàu ở Thanh-hóa ở Huế ở Hà-nội kéo nhau đến mua đông, bấy giờ không thể giữ được kín nữa. Quan Công-sứ Thanh-

hóa biết tin liền đến tra xét rồi cấm không cho ai được bán mua, lại ra lệnh cho thu lượm những của mò được, và tra biết những người nào mua được cũng khám thu, hiện thu được 74 thoi vàng, 72 thoi bạc, 10 cân tiền đồng Cảnh-hưng và Cảnh-thịnh, 2 cây súng đồng khảm vàng, một cái đốc kiếm khảm vàng, 1 cái ngai vàng bề ngang độ 20 phân tây. Còn những vàng bạc bán đi không thể biết mà thu thì không biết là bao nhiêu. Những thoi vàng thấy có khắc những chữ khác nhau như « *bính-tuất* 丙戌, *bính-ngọ* 丙午, *bính-thìn* 丙辰 và *bính dần* 丙寅», trải qua lâu năm, chứ không phải đúc vào một năm ; mỗi thoi lại có chữ « *thập lạng* 十兩 », là 10 lạng tức là một nén ; mỗi thoi có một chữ riêng như chữ « *đức* 德, *cát* 吉, *khôn* 坤, *trung* 中 » và chữ số đến 92. Còn tiền đồng Cảnh-hưng là niên-hiệu vua Hiển-tôn đời Lê tới nay mới có ngót hai trăm năm, tiền đồng Cảnh-thịnh, là niên hiệu Tây-sơn Nguyễn Quang-Toản.

Những của thu được đã tạm trữ vào kho bạc Thanh-hóa để đệ lên tòa Khâm và Nam-triều Huế.

Giới-thiệu sách mới

Le livre unique de français au cours Moyen. — Một quyển sách giáo-khoa có giá-trị của quan nguyên chánh-đốc-học Bắc-kỳ, ông DE LAFFERRANDERIE, soạn chung với mấy ông giáo. Quyển này vừa là một quyển sách tập đọc, vừa là một quyển dạy văn-pháp, học thuộc lòng, học làm văn, học tiếng và để đọc âm-tả rất tốt. In tại nhà in Trường-phát Nam-định. Một quyển chia làm 35 *séries* dầy 364 trang giá 0 $ 80.

NAM-PHONG TỦNG-THƯ

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài)

Mới xuất-bản :

Tuồng Lôi-xích. giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

1. — Văn-minh-luận 4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris 4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp 4 hào.
4. — L'idéal du Sage 4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp :
   Quyển thứ I 4 hào.
   Quyển thứ II 5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới 4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois 4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai) 5 hào.
11. — La Poésie annamite. 4 hào.
12. — Tục-ngữ ca-dao. 4 hào.